



Thông tin



Lý luận và Thực tiễn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG



**KỶ NIỆM 87 NĂM NGÀY THÀNH LẬP
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(3/02/1930 - 3/02/2017)**

Mừng Đảng Mừng Xuân
Đinh Dậu 2017

Số 54 - 2017

Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Nguyễn Xuân Tiến, UVBCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tặng bức tranh “Đoàn kết, đổi mới vì sự nghiệp đào tạo & bồi dưỡng cán bộ” nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày Thành lập Trường



PGS, TS Nguyễn Xuân Thắng, UVBCH Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tặng Bằng khen của Học viện cho Nhà trường



Đ/c Nguyễn Thị Lệ, UVBTV, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy tặng hoa chúc mừng Nhà trường nhân ngày Nhà giáo VN 20/11



Toàn cảnh Hội thảo khoa học cấp tỉnh “Hiện pháp Việt Nam sự kết tinh ý chí, trí tuệ của toàn dân tộc”



Hội thi giảng viên giỏi cấp Trường lần thứ VI-2016



Đoàn cán bộ, giảng viên, viên chức Nhà trường đi nghiên cứu thực tế tại các tỉnh miền Tây

**ĐẢNG ỦY-BAN GIÁM HIỆU-BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG**



Chúc
Mừng
Năm
Mới



Đinh
Dậu



Mừng xuân Đinh Dậu 2017

Nhân dịp xuân Đinh Dậu 2017, Ban biên tập Bản tin "**Thông tin lý luận và thực tiễn**" xin gửi tới cộng tác viên và bạn đọc lời chào năm mới, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp của các sở, ban, ngành trong tỉnh và sự cộng tác tích cực của các cộng tác viên, đến nay Bản tin "**Thông tin Lý luận và thực tiễn**" đã phát hành được 54 số, với gần 1000 bài viết, tin, ảnh của các tác giả và lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, cán bộ làm công tác nghiên cứu và hoạt động thực tiễn, cán bộ, giảng viên của trường Chính trị và cộng tác viên.

Bản tin là diễn đàn trao đổi nhằm làm sáng tỏ những vấn đề mà lý luận và thực tiễn cuộc sống đang đặt ra; góp phần tích cực vào việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bản tin cũng là diễn đàn, nơi cán bộ, giảng viên trao đổi, học tập kinh nghiệm, phản ánh mọi mặt hoạt động của Nhà trường, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị để từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

Ban Biên tập xin chân thành cảm ơn Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành trong tỉnh, các cộng tác viên và bạn đọc đã quan tâm giúp đỡ, cộng tác, cổ vũ, động viên góp phần thiết thực vào sự trưởng thành của Bản tin. Để tiếp tục nâng cao chất lượng cả về nội dung và hình thức, BBT rất mong nhận được sự cộng tác và góp ý kiến của cộng tác viên cùng bạn đọc.

Nhân dịp đầu năm mới, một lần nữa Ban biên tập Bản tin "**Thông tin Lý luận và thực tiễn**" xin chúc các cộng tác viên cùng bạn đọc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt./.

Ban Biên tập



**THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
Số 54 - 2017**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI THẮNG

Ban biên tập:
**PHẠM KIM QUANG
NGUYỄN THỊ BẢY**

Trình bày - Kỹ thuật:
**NGUYỄN ANH DŨNG
LÊ VIỆT LÂM**

Lưu hành nội bộ, số lượng 330 bản
Khổ 19 cm x 27 cm
GPXB số 17/GPXB-STTTT
Do Sở TT và TT Lâm Đồng cấp
Ngày 24 tháng 12 năm 2015

In tại:
Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt
14 Yersin, P.10, Đà Lạt
In xong, nộp lưu chiểu
tháng 02 năm 2017

Địa chỉ:
Trường Chính trị Lâm Đồng
Số 5 Khe Sanh - Phường 10 - Đà Lạt
Điện thoại: (063) 3822011 - 3831662
Fax: (063) 3812631
Email:
truongchinhtrilamdong@gmail.com
Website:
http://truongchinhtrilamdong.com.vn

Ảnh bìa 1:
Tranh cổ động

MỤC LỤC
“THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN”
Số 54 - 2017
๘๐ * ๘๐

Trang

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ **Phạm Kim Quang** - Tư tưởng phát triển kinh tế của Hồ Chí Minh 6
 - ❖ **Võ Thị Bích Thúy** - Cảm xúc nghề giáo 8
 - ❖ **Lê Quang Sơn** - Công tác vận động tin đồ đạo Tin Lành là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Di Linh thông qua chức sắc, chức việc 10
 - ❖ **Lê Thị Thanh Phụng** - Bảo Lâm làm tốt công tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số 13
 - ❖ **Đỗ Quốc Anh** - Học cách quản lý thời gian hiệu quả 15
 - ❖ **Đình Công Tuyển** - Nghiên cứu một số điểm mới của Đại hội XII về nội dung liên minh công - nông - trí thức vào giảng dạy chương trình Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính 17
 - ❖ **Hoàng Thị Như Quỳnh** - Học tập phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh 20
 - ❖ **Phạm Hồng Hải** - Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới 22
 - ❖ **Đoàn Quang Duy Tuấn** - Ngày xuân, nhàn đàm về bia rượu 24
- TIN TỨC - SỰ KIỆN**
- ❖ **Nguyễn Thị Thu Hương** - Hiệp định Paris - đỉnh cao thắng lợi trên mặt trận chính trị, tư tưởng, ngoại giao của Đảng 26
 - ❖ **Nguyễn Thị Nhã** - Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946 - Ý nghĩa lịch sử và thời đại 30
 - ❖ **Nguyễn Anh Dũng, Cao Trọng Tuệ** - Một số kết quả về hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng trong năm 2016 32
 - ❖ **Lê Việt Lâm** - Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường lần thứ VI năm 2016 33

TƯ TƯỞNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA HỒ CHÍ MINH

❖ *ThS Phạm Kim Quang*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm nhiều lĩnh vực như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa... Trong phát triển kinh tế, Người chú ý phát triển kinh tế toàn diện từ nông nghiệp, công nghiệp, thương mại... Ở bài viết này tác giả chỉ đề cập đến quan điểm của Bác về phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và tư duy mở cửa nền kinh tế để thu hút các nhà doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư tại Việt Nam sau khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa giành được độc lập.

“Công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế”

Sở dĩ Người đưa ra quan điểm này là xuất phát từ đặc điểm của nước ta là một nước sản xuất nhỏ, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu nên sản xuất nông nghiệp có vai trò cực kỳ quan trọng đối với việc phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân ta. Nhận thức rõ được vai trò của nông nghiệp và nông thôn luôn cung cấp lương thực, thực phẩm và các nguyên liệu đảm bảo nhu cầu ăn, mặc, ở cho toàn xã hội nên Người viết: “Việt Nam là nước sống về nông nghiệp, nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy một phần lớn vào nông nghiệp. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu, nông dân ta thịnh thì nước ta thịnh”.

Để nông nghiệp phát triển được, Người chủ trương cải cách ruộng đất nhằm giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, phát huy được lực lượng to lớn của nông dân. Người luôn coi phát triển nông nghiệp là nhân tố đầu tiên, cội nguồn để giải quyết mọi vấn đề của xã hội. Sản xuất nông nghiệp mà trước

hết là sản xuất lương thực là việc cần thiết nhất cho xã hội, cho đời sống của nhân dân. Điều này cũng phù hợp với quan điểm của cha ông ta là “phi nông bất ổn”, vừa đúng với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: con người cần phải ăn uống, mặc trước khi nghĩ đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật và tôn giáo.

Là nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế nên khi nông nghiệp đã phát triển thì cũng tạo tiền đề cho sự phát triển của các ngành khác trong đó có công nghiệp. Người ví nông nghiệp và công nghiệp như “hai chân” của nền kinh tế. Nông nghiệp không phát triển thì công nghiệp không phát triển được. Nông nghiệp phát triển mạnh sẽ cung cấp lương thực cho nhân dân; cung cấp nguyên liệu cho nhà máy; cung cấp nông sản cho xuất khẩu. Ngược lại, khi công nghiệp phát triển mạnh mẽ sẽ cung cấp đủ hàng tiêu dùng cần thiết cho nhân dân, trước hết là nông dân; cung cấp máy bơm nước, phân hóa học, thuốc trừ sâu... Công nghiệp phát triển sẽ tạo điều thuận lợi cho nông nghiệp phát triển. “Cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển, như hai chân đi khỏe và đi đều thì tiến bước mới nhanh và nhanh chóng đi đến đích. Thế là thực hiện liên minh công nông để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân”.

Như vậy, cùng với việc khuyến khích các ngành kinh tế khác cùng phát triển để tạo ra sự phát triển toàn diện của nền kinh tế nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xuất phát từ hoàn cảnh thực tế của đất nước để đề ra chủ trương phát triển nông nghiệp và công nghiệp, trong đó Người coi phát triển nông nghiệp là gốc, là nền tảng quan trọng nhằm

tạo tiền đề cho sự phát triển của các ngành kinh tế khác. Đây là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với điều kiện lịch sử của nước ta trong giai đoạn đó cũng như cả về sau này và đã được Đảng ta kế thừa và phát triển.

Mở cửa nền kinh tế

Là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nên nền kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Vì thế, sau khi nước ta giành được độc lập, Người xác định phải mở cửa nền kinh tế để nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, trong đó có cả các nhà tư bản Pháp - những người đã từng xâm lược và bóc lột nhân dân ta trước đây sang đầu tư sản xuất để mang lại lợi ích cho cả các bên. Tuy nhiên, Người cũng nêu rõ chính sách mở cửa của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa dựa trên nguyên tắc đảm bảo quyền độc lập tự chủ của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng ta hoan nghênh những người Pháp muốn đem tư bản vào xứ ta khai thác những nguồn nguyên liệu chưa có ai khai thác. Có thể rằng: Chúng ta sẽ mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu, đến đây giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia. Nhưng, phải nhắc lại rằng, điều kiện chính vẫn là họ phải thừa nhận nền độc lập của xứ này. Nếu không vậy, thì không thể nói chuyện gì được cả”.

Là người luôn gắn lý luận với thực tiễn, nói và làm thống nhất với nhau nên ngày 01-11-1945, trong thư gửi cho Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Giêm Biéc-nơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Nhân danh Hội Văn hóa Việt Nam, tôi xin được bày tỏ nguyện vọng của Hội, được gửi một phái đoàn khoảng năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ, và mặt khác, để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác”. Đồng thời, thay mặt cho giới trí thức Việt Nam, Người nêu lên nguyện vọng, “tha thiết mong muốn tạo được mối quan hệ với nhân dân Mỹ là những người mà lập trường cao quý đối với những ý tưởng cao thượng về công lý và nhân bản

quốc tế, và những thành tựu kỹ thuật hiện đại của họ đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với giới trí thức Việt Nam”.

Không dừng lại ở đó, ngày 16 tháng 2 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đường lối đối ngoại và thiện chí của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong thư gửi Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ: “...mục tiêu của chúng tôi là hoàn toàn và hợp tác toàn diện với Hoa kỳ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để làm cho nền độc lập và sự hợp tác này trở nên có lợi cho toàn thế giới”.

Tiếp đến, năm 1946, trong tác phẩm “Lời kêu gọi Liên hợp quốc” gửi cho Đại Anh Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các nước thành viên khác của Liên hợp quốc, Hồ Chí Minh viết: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a. Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b. Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c. Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc...”

Như vậy, sự chủ động về hợp tác quốc tế để đem lại những lợi ích thiết thực cho các quốc gia, đảm bảo sự hòa bình và tiến bộ chung cho thế giới của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện sự thiện chí và tầm nhìn chiến lược trong công tác đối ngoại vì sự phát triển của đất nước, nhất là trong điều kiện nước ta vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh chống đế quốc và phong kiến. Tiếc rằng, cơ hội giao lưu hợp tác, thiện chí và tầm nhìn chiến lược đúng đắn đó của Người đã bị các nhà cầm quyền Pháp và Mỹ từ chối để rồi lịch sử đã phải chứng kiến những đau thương mất mát bởi các cuộc chiến tranh do chính Pháp và Mỹ gây ra cho dân tộc Việt Nam và chính dân tộc của họ./.

P.K.Q

❖ **Phó Hiệu trưởng**

CẢM XÚC NGHỀ GIÁO

❖ ThS Võ Thị Bích Thủy

Tôi không sinh ra nhưng lớn lên và trưởng thành ở thành phố Đà Lạt. Nơi đó có ngôi trường mà tôi đã gắn bó cả cuộc đời và là cái nôi đã dưỡng nuôi tôi nên người thành một giáo viên giảng dạy lý luận chính trị mà tôi không bao giờ quên. Đó là Trường Chính trị Tỉnh Lâm Đồng.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ba tôi đã nhận nhiệm vụ về công tác tại Trường Đảng tỉnh Lâm Đồng (nay là Trường Chính trị Lâm Đồng). Vì vậy, gia đình tôi cũng theo ba về sinh sống tại đây. Lúc đó tôi còn nhỏ, đang học phổ thông, những khi rảnh rỗi tôi vẫn thường theo Ba lên Trường chơi và xem các cô, các chú học viên học tập. Nhìn các cô, các chú học viên tuổi đời đã lớn, nhiều cô, nhiều chú mái tóc đã nhuộm màu muối tiêu, mắt mang kính mà vẫn chăm chú nghe giảng bài, trong lòng tôi rộn ràng bao câu hỏi: “Sao các cô, các chú lớn tuổi rồi mà vẫn phải đi học?”. Về sau tôi mới hiểu là các chú, các cô không phải đi học văn hoá như tôi, mà đi học lý luận chính trị, học làm cán bộ, học để về làm việc được tốt hơn. Chính vì vậy, tôi cũng đã quen dần với môi trường ở đây và không còn thấy xa lạ với cái từ “*học chính trị*” nữa.

Ngày tháng dần trôi qua, tôi cũng đã lớn và chuẩn bị chọn cho mình một nghề để bước vào đời. Suy đi, tính lại cuối cùng tôi đã chọn “*nghề giáo*”. Và thế rồi tôi đã thi vào trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt. Sau gần 2 năm đèn sách, sắp đến ngày ra trường, bỗng nhiên một bước ngoặt quan trọng xảy ra trong cuộc đời đã đưa tôi đến với nghề dạy lý luận chính trị như hiện nay. Quả thực chưa bao giờ tôi nghĩ rằng có một lúc nào đó tôi sẽ dạy lý luận chính trị, thế mà bây giờ tôi lại bước vào nghề đó. Vì theo nguyện vọng của gia đình và nhất là ba tôi. Ba tôi mong muốn cho tôi theo nghề của ba, ba tôi cảm thấy rất vui, tự hào khi con gái tiếp tục theo con



đường mà ba tôi đã đi. Ba tôi tâm sự: “*Cả gia tài mà ba tôi có được và để lại cho con là một tủ sách. Tiền bạc chi dùng rồi cũng hết, có kiến thức con sẽ được rất nhiều*”. Toàn là sách chính trị, đó là bộ Lenin toàn tập, Mác, Ăngghen tuyển tập, là từ điển triết học, là giáo trình, là văn kiện của Đảng... Mới nhìn qua tủ sách tôi đã cảm thấy “*sợ*” rồi tôi phân vân mãi không biết mình có làm được không, được sự động viên của gia đình và bạn bè và cuối cùng tôi đã nghe theo lời ba lựa chọn theo nghề làm giáo viên dạy lý luận chính trị.

Năm 1984 tôi về công tác tại Trường Đảng Lâm Đồng. Sau đó được trường cử đi học tại Trường Tuyên huấn Trung ương II Thủ Đức - thành phố Hồ Chí Minh. Lớp tôi học là lớp học đầu tiên đào tạo giáo viên giảng dạy bộ môn chủ nghĩa Mác - Lenin cho đối tượng cán bộ, học sinh vừa tốt nghiệp phổ thông. Chuyên ngành mà tôi theo học là môn chủ nghĩa xã hội khoa học. Bốn năm học tập và rèn luyện tại trường tôi dần hiểu các môn học chủ nghĩa Mác - Lenin là gì, tôi đã bắt đầu quan tâm đến các vấn đề chính trị xã hội, thời sự, nghe đài, đọc báo nhằm phục vụ cho việc học tập của mình được tốt hơn.

Năm 1988 tôi ra trường và bắt đầu đi vào nghề cô giáo dạy lý luận chính trị. Thực lòng đến lúc này tôi vẫn rất băn khoăn lo lắng, liệu nghề này có phù hợp với mình không? Tôi có thể đứng trên bục giảng được không? với đối tượng mà mình sẽ dạy toàn là

bạc cha, bạc chú. Tôi cảm thấy thiếu tự tin. Rồi nữa, từ xưa đến nay người ta vẫn quan niệm nghề “dạy chính trị” là một nghề vừa “khô” vừa “khó” vừa “khổ”. Một nghề mà có lẽ ít ai thích, nhất là con gái chúng tôi. Có nhiều người đã nói với tôi nghề này là dành cho đàn ông và những người lớn tuổi. Là phụ nữ, lại còn trẻ, chưa có gia đình mà chọn nghề này thì sẽ khó lập gia đình và khuyên tôi nên xin sang dạy ở Trường phổ thông hay Trường Cao đẳng cho phù hợp.

Mặc dù vậy, tôi vẫn quyết định ở lại trường và xác định là sẽ rất khó khăn, hành trang bước vào nghề với tuổi đời còn trẻ, kinh nghiệm cuộc sống và thâm niên công tác hầu như chưa có gì, tất cả đôi với tôi đều mới mẻ. Tôi bắt đầu được giao bài giảng, tập soạn bài, giáo án của tôi chuẩn bị lúc bấy giờ chỉ là tập giấy kẻ ngang màu nâu, phải nghiên cứu giáo trình, tài liệu, phải đi dự giờ nghe các thầy, cô giảng bài ở trên lớp để học hỏi kinh nghiệm; tôi phải luyện tập rất nhiều, lúc ở trường, lúc ở nhà tôi tập giảng thử, tập nói sao cho lưu loát, trôi chảy, tập viết bảng, tập đi lại.

Rồi tôi đã được khoa bố trí cho thông qua bài giảng, cảm giác lo lắng đến mất ăn, mất ngủ, trong đầu tôi lúc nào cũng chỉ nghĩ đến bài giảng. Đứng trên bục giảng nhìn xuống là những thầy, cô giáo đã giảng dạy lâu năm lại có nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn làm cho tôi không làm chủ được bài giảng. Buổi thông bài đầu tiên tôi đã không thành công, tôi thật sự rất buồn nhưng rồi với trách nhiệm được giao tôi lại tiếp tục chuẩn bị lại bài giảng, tôi phải thông qua khoa nhiều lần bài giảng mới đạt yêu cầu và được khoa đồng ý bố trí cho đứng lớp. Đối với tôi giảng đạt yêu cầu, được người nghe chấp nhận đã là khó rồi, làm thế nào để giảng hay, hấp dẫn thì lại càng khó hơn. Muốn đạt được điều đó không chỉ có kiến thức cơ bản được đào tạo ở trường mà còn phải có sự am hiểu kiến thức một cách toàn diện, nhất là phải có vốn thực tiễn phong phú để làm sống động và hấp dẫn bài giảng; điều quan trọng nhất đó là phải có bản lĩnh vững vàng,

có phương pháp sư phạm, ứng xử tốt để bình tĩnh, tự tin đứng trước tập thể lớp học. Để có được điều đó tôi đã phải học hỏi và rèn luyện rất nhiều, con đường để đi đến thành công và tự khẳng định mình thật gian nan, vất vả, thấm đượm mồ hôi và có cả nước mắt nữa.

Buổi lên lớp đầu tiên thật khó quên đối với tôi, tôi trong trạng thái tâm lý căng thẳng, lo lắng vô cùng, tôi đã gần như thuộc hết cả giáo án, thế mà khi bước vào lớp tôi rất hồi hộp, tim đập mạnh, chân run, chỉ sợ mình sơ suất, học viên sẽ cười. Lúc giảng bài, vì quá hồi hộp tôi nói nhanh đến nỗi học viên không ghi bài được. Học viên thấy tôi còn trẻ nên có ý trêu chọc, một số các chú lớn tuổi có vẻ như thiếu tin tưởng ở tôi, làm thế nào bây giờ buổi lên lớp đầu tiên không thể thất bại được, uy tín của bản thân, trách nhiệm đối với thầy cô đã giúp đỡ, kỳ vọng ở tôi, trách nhiệm đối với nhà trường, Tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh, tự tin trình bày bài giảng, lúc đầu thật khó khăn nhưng rồi tôi đã quên đi cảm giác lo sợ lúc ban đầu, tôi tập trung vào bài giảng, giảng trôi chảy hơn. Buổi lên lớp đầu tiên đã kết thúc mà không thấy có vấn đề gì xảy ra. Tôi bước ra khỏi lớp học với niềm vui nho nhỏ, thế là tôi đã qua được thử thách khó khăn đầu tiên của cuộc đời làm giáo viên dạy lý luận chính trị.

Rồi những khó khăn, bỡ ngỡ buổi ban đầu cũng qua đi. Được sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường, của các đồng nghiệp và các thầy, các cô đi trước, cùng với sự nỗ lực của bản thân, tôi không còn quá lo sợ, hồi hộp mỗi khi lên lớp nữa. Tôi đã dần quen với công việc, tôi được giao bài giảng nhiều hơn. Tôi không chỉ giảng chương trình trung cấp lý luận chính trị mà ngày càng vươn lên đảm nhận bài giảng ở các chương trình khác do nhà trường phân công và rồi tôi bắt đầu gắn bó và yêu thích với “trồng người”. Nghề dạy chính trị, một nghề đối với tôi đã không còn vừa “khô”, vừa “khó”, “vừa khổ” nữa. Tôi cảm thấy tự hào vì “*nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý*”. Trước tác động của thời kỳ hội nhập và mặt trái của cơ chế thị trường, là người ☞ *Xem tiếp trang 12*

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG TÍN ĐỒ ĐẠO TIN LÀNH LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH THÔNG QUA CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC

❖ ThS Lê Quang Sơn

Công tác vận động quần chúng là đồng bào có đạo Tin Lành trên địa bàn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là nhiệm vụ quan trọng được các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân trong huyện xác định là phương thức trong xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Di Linh là một huyện miền núi nằm trên hai trục quốc lộ 20 đi Thành phố Hồ Chí Minh, nối hai trung tâm kinh tế lớn của tỉnh Lâm Đồng là Thành phố Đà Lạt và Thành phố Bảo Lộc và quốc lộ 28 nối hai tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đắk Nông.

Di Linh là vùng đất Bazan màu mỡ, có tổng diện tích tự nhiên 162.830 ha, với 3/4 là rừng núi. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là: 46.598 ha, còn lại là đất lâm nghiệp. Nơi đây là khu vực có tiểu vùng thời tiết, khí hậu nhiệt đới gió mùa rất thích hợp đối với các loại cây công nghiệp mà đặc biệt là cây cà phê và cây chè. Những đặc điểm vị trí địa lý nêu trên đã tạo cho Di Linh vị trí quan trọng và có ý nghĩa chiến lược về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

Huyện Di Linh có 19 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó gồm 18 xã và 01 thị trấn (thị trấn Di Linh) với 194 thôn và khu phố với 32.071 hộ dân và 160.830 người, trong đó người dân tộc thiểu số chiếm 37%, gồm dân tộc bản địa và dân tộc từ phía Bắc di cư. Ngoài dân tộc Kinh còn có 20 dân tộc anh em sinh sống nhưng chủ yếu là: Kơ Ho, Lạch, Cil, Châu Mạ, Nộp, Roglai, Tày, Nùng, Thái, Ê đê. Sự phân bố dân cư ở Di Linh chủ yếu tập trung khu vực trung tâm huyện và ven các tuyến quốc lộ 20, 28. Riêng đồng bào dân tộc thiểu số bản địa do tập quán lâu đời nên sinh sống chủ yếu ở các vùng sâu,

vùng xa, giao thông không thuận tiện, có nơi rất khó khăn đặc biệt vào mùa mưa.

Hiện nay, Di Linh có 80.531 người theo các tôn giáo khác nhau, trong đó: Phật giáo: 20.209 tín đồ (trong đó dân tộc thiểu số là 2.591, người Kinh là 17.618 tín đồ). Công giáo: 49.210 tín đồ (trong đó dân tộc thiểu số là 29.065 tín đồ). Tin lành: 10.392 tín đồ (trong đó người Kinh 359 tín đồ, K'Ho 10.003 tín đồ, Hoa Nùng 30 tín đồ). Cao đài: 716 tín đồ. Ba Ha'i: 4 tín đồ. Đáng chú ý trong những năm gần đây số lượng người dân tộc thiểu số theo các tôn giáo ngày càng tăng, nhất là số tín đồ theo đạo Tin lành có thời điểm gia tăng đột biến.

Đối với đạo Tin lành, Hiện nay ở Di Linh có 13 chi hội Tin lành Việt Nam (miền Nam) và 77 điểm nhóm và 17 hệ phái trong đó: 4 hệ phái được Nhà nước công nhận là: Tin lành Việt Nam (miền Nam), Cơ đốc Phục lâm, Liên hữu Cơ đốc, Phúc âm ngũ tuần; 12 hệ phái được đăng ký sinh hoạt điểm nhóm; 01 hệ phái không cho phép hoạt động là: *Liên hữu Lutheran Việt Nam & Hoa Kỳ*.

Tính đến tháng 4/2015 trên địa bàn huyện có 10.392 tín đồ (trong đó Kinh 359, Hoa Nùng 30 và K'Ho 10.003), số tín đồ đã được báp tem là 7.668, chưa báp tem là 2.724 tín đồ, cư trú ở 15 xã, 01 thị trấn trên 70 thôn, buôn.

Toàn huyện có 03 Mục sư, 02 Mục sư nhiệm chức và 07 truyền đạo đều thuộc Hội thánh tin lành Việt Nam (MN), trên 75 chấp sự trưởng các điểm nhóm và 238 Chức việc.

Toàn huyện có 02 nhà thờ, 01 nhà thờ đang trong quá trình xây dựng và 09 chi hội đã có chủ trương cho xây dựng nhà thờ, hiện đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục,

Nghiên cứu - Trao đổi

điều kiện xây dựng nhà thờ (đều thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (MN)). Đối với các hệ phái khác có 05 nhà nguyện dùng làm nơi sinh hoạt, còn lại mượn nhà ở của tín đồ làm nơi sinh hoạt.

Trong những năm qua, đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào dân tộc gốc Tây Nguyên trên địa bàn Di Linh đã có sự thay đổi đáng kể về phát triển kinh tế, văn hóa xã hội theo chiều hướng tiến bộ gắn với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, tác động của đạo Tin Lành cũng làm thay đổi sâu sắc đến đời sống xã hội của cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên, kết cấu xã hội truyền thống bị phá vỡ, uy tín của già làng, trưởng bản bị suy giảm, thay vào đó là vai trò của đội ngũ chức sắc, chức việc tôn giáo. Văn hóa truyền thống là không gian văn hóa công cộng, nhà rông được thay bằng việc đi lễ nhà thờ đọc kinh phúc âm và hát thánh ca. Tín ngưỡng đa thần được thay thế bằng niềm tin Thiên Chúa. Việc dành thời gian đi lễ nhà thờ, kể cả lúc mùa vụ cũng ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, nhất là những gia đình nghèo, cận nghèo.

Đứng trước sự tác động tiêu cực đó, công tác vận động đồng bào dân tộc là người theo Đạo Tin Lành thực hiện theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vừa phải nắm vững phương pháp vận động quần chúng nói chung, đồng thời phải có phương pháp vận động đặc thù đó là tranh thủ chức sắc, chức việc đạo Tin lành ở địa bàn để vận động. Cụ thể:

- Công tác tranh thủ chức sắc, chức việc đạo Tin lành ở địa bàn huyện Di Linh trong giai đoạn hiện nay là tuyên truyền, giáo dục cho chức sắc và tín đồ các tôn giáo nắm vững được chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực mà chủ yếu là lĩnh vực tôn giáo; vận động họ cùng toàn Đảng, toàn dân chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào có đạo, tăng cường xoá đói, giảm nghèo làm cho mọi người no ấm gia đình hoà thuận, hạnh phúc, xóm làng đoàn kết, yên vui, xã hội ổn

định, đất nước phát triển.

- Giáo dục truyền thống yêu nước, đoàn kết cộng đồng, ý thức công dân, trách nhiệm đối với đất nước và cùng toàn dân xây dựng nông thôn mới hướng tới mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Tạo điều kiện và giúp đỡ chức sắc và tín đồ các tôn giáo xây dựng các phong trào thi đua yêu nước sống "tốt đời đẹp đạo".

- Trong thời gian qua huyện Di Linh đã tranh thủ nhiều đợt các chức sắc, già làng, người có uy tín trong đạo Tin Lành nhằm giải quyết những vụ việc phức tạp về an ninh trật tự tại địa phương. Các ban ngành đoàn thể và các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã tổ chức được nhiều đợt phát động trên 18 xã, trong đó có 04 xã được chọn phát động thường xuyên là: Đình Trang Hòa, Hòa Bắc, Gia Bắc, Tân Thượng. Ngoài ra địa phương còn tổ chức phát động lồng ghép vào các buổi sinh hoạt, tuyên truyền, học tập của các ban ngành, đoàn thể quần chúng.

- Thường xuyên tổ chức tiếp xúc, tranh thủ số Mục sư, Mục sư nhiệm chức, truyền đạo, trưởng các điểm nhóm, người có uy tín dưới nhiều hình thức nhằm tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, tranh thủ sự ủng hộ của chức sắc, tín đồ trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh liên quan đến đạo Tin Lành. Qua đó làm cho tín đồ tin tưởng vào chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Hằng năm, nhân dịp lễ Giáng sinh và Phục sinh, các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền tổ chức thăm hỏi, chúc mừng chức sắc, chức việc qua đó để tranh thủ sự ủng hộ. Ngoài ra, khi có tình hình nảy sinh phức tạp lãnh đạo chính quyền địa phương còn tiến hành tranh thủ đợt xuất.

- Vừa phát động tập trung, các ngành chức năng, chính quyền địa phương cơ sở còn thực hiện có hiệu quả biện pháp phát động cá biệt tranh thủ già làng, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc để đấu tranh tấn công chính trị với số đối tượng cốt cán cầm đầu, lấy công tác vận động, giác ngộ,

dùng sức mạnh của quần chúng là chính. Vận động quần chúng chức sắc và tín đồ các tôn giáo luôn đề cao cảnh giác với những âm mưu lợi dụng tôn giáo và dân tộc để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, của các thế lực thù địch, đồng thời cùng toàn dân bài trừ những hoạt động mê tín dị đoan để làm lành mạnh hoá hoạt động văn hoá tâm linh, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc. Bằng uy tín của mình họ, đã góp phần không nhỏ vào công tác phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

- Vận động chức sắc và tín đồ tôn giáo hưởng ứng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn liền với thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia vào các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và cùng toàn dân phòng chống những tệ nạn xã hội. Động viên chức sắc và tín đồ các tôn giáo tham gia vào các tổ chức đoàn thể nhân dân, hội quần chúng

như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân.

- Đa dạng hoá hình thức vận động, có vận động trực tiếp qua gặp gỡ, tiếp xúc, thăm hỏi khi vui, lúc buồn, đối thoại, trao đổi, tổ chức học tập... Có hình thức gián tiếp qua báo chí, đài, phim, ảnh... Có vận động nhóm; có trường hợp cá nhân.

Công tác vận động các tín đồ đạo Tin Lành thông qua các chức sắc, chức việc ở Di Linh đã xây dựng được đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật; các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước./.

L.Q.S

❖ *Trưởng Khoa Dân Vận*

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách tôn giáo của huyện Di Linh từ 2010 đến 2015.
2. Báo cáo kết quả điều tra cơ bản các tôn giáo phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống hoạt động lợi dụng tôn giáo, đảm bảo an ninh quốc gia trên địa bàn huyện Di Linh của Công an huyện Di Linh.

☞ *Tiếp theo trang 9* **CẢM XÚC NGHỀ GIÁO**

giáo viên tôi hiểu rằng ngoài kiến thức, nhân cách, tấm gương để thuyết phục học viên còn phải có lòng nhiệt huyết, tình thương, trách nhiệm và bản lĩnh vững vàng đó là những yếu tố quyết định góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy

Thấm thoát mới đó mà tôi đã công tác ở trường hơn 32 năm, hơn 32 năm trôi qua, tôi đã có biết bao kỷ niệm buồn, vui với nghề này. Bạn bè được nhà trường cử đi học cùng lớp với tôi, các thầy cô giáo cùng đồng nghiệp với tôi đến nay, nhiều người, vì nhiều lý do đã chuyển công tác đi các nơi khác, có Thầy, Cô còn tiếp tục làm nghề giáo viên

dạy chính trị, nhưng cũng có thầy, cô không còn làm nghề này nữa; có thầy, cô đã nghỉ hưu... Ba tôi người đã đưa tôi vào nghề và là người động viên giúp đỡ tôi để tôi trở thành người giáo viên dạy chính trị như ngày hôm nay đã không còn nữa. Còn tôi, mỗi ngày, mỗi ngày tôi vẫn lên trường với công việc hàng ngày là nghiên cứu, là những bài giáo án, là những buổi lên lớp, tôi thực sự yêu nghề, mến trường, ngôi trường nơi mà tôi đã lớn lên và trưởng thành từ đó./.

V.T.B.T

❖ *Trưởng Khoa Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

BẢO LÂM LÀM TỐT CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

❖ *ThS Lê Thị Thanh Phụng*

Bảo Lâm là một huyện thuộc cao nguyên Di Linh - Bảo Lộc, nằm giữa thành phố Bảo Lộc và huyện Di Linh, được thành lập theo Quyết định số 65/QĐ-CP ngày 11-7-1994 của Chính phủ (từ huyện Bảo Lộc được chia ra thành 2 đơn vị mới là thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm). Với tổng diện tích tự nhiên 1.456,6 km². Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Nam giáp thành phố Bảo Lộc và tỉnh Bình Thuận, phía Đông giáp huyện Di Linh, phía Tây giáp các huyện Cát Tiên, Đạ Tẻh và Đạ Huoai. Toàn huyện có 19 dân tộc thiểu số cùng sinh sống (Kinh, K'ho, Châu Mạ, Tày, Cill, Mơ Nông, Chu Ru, Chăm, Hoa, Nùng, Mường, Thái, Tring, Raiglây, Nộp, H'Rê, Êđê, Nộp, Thổ) với 7.888 hộ và 33.817 khẩu, chiếm gần 30% dân số, được phân bố ở 13 xã và 01 thị trấn với 110 thôn và 24 tổ dân phố. Đời sống của người dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng chè và cà phê.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh Lâm Đồng, việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên địa bàn huyện Bảo Lâm đã đạt được nhiều thành quả quan trọng.

Việc triển khai thực hiện nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư đã làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt. Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn nhưng huyện đã lồng ghép bằng nhiều nguồn vốn từ các chương trình, dự án của Trung ương, vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu với tổng kinh phí là 48,108 tỷ. Đến nay, đường giao thông nông thôn đã được cứng hóa, sạch

đẹp, tất cả các xã đều có đường ô tô đến tận trung tâm xã, nhiều thôn, buôn đã có đường ô tô, hàng hóa lưu thông thuận tiện; 100% xã có nhà bưu điện văn hóa được trang bị máy tính, trụ sở ủy ban nhân dân các xã được đầu tư xây dựng khang trang; 100% xã có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ được sử dụng điện sinh hoạt từ 94% năm 2010, lên trên 98% năm 2015; hệ thống thông tin liên lạc đã đến tận thôn, toàn huyện có 9.077 máy điện thoại cố định lắp đặt, mật độ đạt 8,2 máy/100 dân; số thuê bao di động là 33.170; đường truyền ADSL đã được thiết lập ở tất cả các xã với 929 thuê bao Internet. 100% các xã, thị trấn đều có trạm thu phát truyền thanh không dây, phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những quy định của địa phương đến đồng bào dân tộc thiểu số, trên 95% tỷ lệ hộ dân được nghe, xem đài phát thanh, truyền hình Việt Nam. Trên 95% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được dùng nước sạch hợp vệ sinh (từ năm 2011 đến năm 2015, huyện đầu tư xây dựng 16 công trình nước sinh hoạt tập trung tại các xã: Lộc Thành, Lộc Bảo, Lộc Phú, Lộc Tân, B'Lá, Lộc Tân, Lộc An... với tổng số vốn là 8,404 triệu đồng), các công trình nhà ở, nhà sinh hoạt cộng đồng, công trình nước sạch... tại các thôn tổ dân phố đã được nâng cấp và xây dựng mới, cơ sở hạ tầng nông thôn đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân

Thực hiện Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/CP của Chính phủ, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo nhanh và bền vững, đồng thời chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các xã, thị trấn tập trung xây dựng kế hoạch hỗ trợ đầu tư giảm nghèo

trực tiếp đến từng hộ nghèo với tổng nguồn vốn đầu tư tại 4 xã Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc Lâm, Lộc Nam là 31.010 triệu đồng chủ yếu để mua phân bón, trồng rừng (120ha), chăm sóc rừng trồng năm 2 và năm 3 (293,6 ha), chuyển đổi cây trồng, hỗ trợ giống vật nuôi, làm chuồng trại và hỗ trợ sản xuất. Thực hiện Quyết định số 1366/2008/QĐ-TTg ngày 25/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định 289/2008/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân, tổng số hộ được thụ hưởng là 9.353 hộ, với số tiền 1,064 triệu từ năm 2011-2014. Thực hiện Quyết định 102/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn, UBND huyện đã hỗ trợ bằng tiền mặt cho 14.367 hộ/4,980 triệu đồng từ năm 2011 - 2015 thuộc các xã khu vực III và các xã khu vực II. Thực hiện chương trình tín dụng cho đồng bào dân tộc thiểu số từ 2011-2015 với tổng số tiền là 223. 499 triệu đồng/ 16.412 hộ (tính đến 30/6/2015). Nguồn vốn cho vay chủ yếu đầu tư vào các đối tượng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, xây dựng nhà ở, công trình nước sạch, vệ sinh môi trường, hỗ trợ kinh phí học tập.

Cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện đã nêu cao ý chí tự lực, tự cường thi đua lao động sản xuất, tiếp thu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi để phát triển kinh tế. Do đó, phong trào giảm nghèo bền vững trong vùng đồng bào dân tộc đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận: tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 là 16,24% đến năm 2015 xuống còn 4,55 %.

Có thể nói, dưới sự lãnh chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền huyện Bảo Lâm trong thực hiện chính sách dân tộc đã giúp kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số có những chuyển biến tích cực và đạt được kết quả khá toàn diện trên tất cả các mặt, làm cho diện mạo nông thôn vùng

đồng bào dân tộc từng bước thêm khởi sắc. Sự chuyển dịch nhanh về cơ cấu kinh tế đã thúc đẩy sản xuất phát triển, năng suất, sản lượng cây trồng đều tăng so với giai đoạn trước. Đến nay cơ bản các hộ nông nghiệp đều có đất sản xuất, được vay vốn phát triển chăn nuôi, trồng trọt, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện nâng cao. Công tác giáo dục đào tạo đạt nhiều thành quả quan trọng, số con em đồng bào dân tộc được đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngày càng tăng; Mặt bằng dân trí và mức sống xã hội được nâng lên. Văn hoá truyền thống của các dân tộc được giữ gìn, phát huy; việc khám, chữa bệnh trong vùng dân tộc thiểu số được quan tâm hơn, đồng bào dân tộc ở vùng khó khăn được cấp bảo hiểm y tế khám chữa bệnh miễn phí; Hệ thống chính trị được xây dựng và củng cố, đội ngũ cán bộ cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng năng lực quản lý, điều hành phát triển ở địa phương, nhất là cấp ủy, chính quyền cơ sở. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được duy trì tốt, khối đại đoàn kết giữa các dân tộc được giữ vững; ý thức cảnh giác cách mạng của đồng bào được nâng lên. Nhận thức của cán bộ cơ sở và nhân dân trong cách nghĩ, cách làm ngày càng cao. Lòng tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố.

Để làm tốt công tác phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới, thiết nghĩ huyện Bảo Lâm cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, xác định công tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp chính quyền và toàn hệ thống chính trị. Rà soát, đánh giá lại các chương trình, chính sách đang triển khai thực hiện trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từ ☞ *Xem tiếp trang 25*

HỌC CÁCH QUẢN LÝ THỜI GIAN HIỆU QUẢ

❖ ThS Đỗ Quốc Anh

Khi làm việc trong mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chắc chắn mỗi chúng ta đều quen với việc phải kiểm điểm vào dịp cuối năm. Đây là dịp để mỗi cá nhân tự kiểm điểm, đánh giá về mức độ hoàn thành công việc được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp giao cho. Những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thường hội đủ các yếu tố như: có trình độ, năng lực chuyên môn vượt trội; có trách nhiệm với công việc được giao; có bản lĩnh vững vàng; có phương pháp quản lý thời gian hiệu quả; có kinh nghiệm trong lĩnh vực phụ trách, đảm nhận...

Trong nhóm các yếu tố trên, có thể nhận thấy **phương pháp quản lý thời gian hiệu quả** của mỗi cá nhân có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả công việc của cá nhân đó. Tại sao cũng chỉ với 8 giờ làm việc một ngày, 40 giờ làm việc một tuần như nhau mà người này lại hoàn thành một khối lượng công việc khổng lồ còn người kia lại chỉ hoàn thành một khối lượng công việc khiêm tốn? Tại sao cùng là một công việc như nhau, cùng một thời gian và môi trường làm việc như nhau nhưng người này hoàn thành tốt còn người kia lại không hoàn thành? Tục ngữ có câu: “Thì giờ là vàng bạc”! Vậy nên, nếu không có phương pháp quản lý thời gian hiệu quả thì chắc chắn chúng ta sẽ khó đạt được hiệu quả công việc ở mức cao.

Hiện nay, với nền tảng công nghệ thông tin phát triển, chỉ cần có điện thoại thông minh, laptop hay máy vi tính chúng ta sẽ dễ dàng tiếp cận và sử dụng các phần mềm như: To do, Tasks, Google Note... để quản lý thời gian của mình hiệu quả.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến phương pháp Eisenhower, một phương pháp theo chủ quan của chúng tôi là đơn giản và hiệu quả nhất trong việc quản lý thời gian

của mỗi cá nhân.

Phương pháp Eisenhower do tổng thống Mỹ thứ 34 D. Eisenhower nghĩ ra. Theo Eisenhower, để có thể sử dụng thời gian một cách hiệu quả với hiệu suất làm việc cao nhất thì chúng ta buộc phải dành thời gian vào những thứ quan trọng chứ không phải vào những thứ khẩn cấp. Việc quan trọng thường ít khẩn cấp và việc khẩn cấp ít khi quan trọng. Để làm được điều này cũng như để giảm tải áp lực của việc có quá nhiều hạn chót với thời gian gần kề thì trước hết, chúng ta phải phân biệt rõ:

+ Việc quan trọng là những việc mà sau khi được hoàn thành sẽ tạo ra kết quả giúp chúng ta tiến gần hơn với mục tiêu đã đặt ra, bất kể đó là mục tiêu cá nhân hay trong công việc. Cụ thể hơn, chúng đóng góp trực tiếp vào các nhiệm vụ, giá trị và mục tiêu mang tính chất dài hạn.

+ Các hoạt động khẩn cấp yêu cầu sự chú ý ngay tức thì và thường có liên quan tới người khác, chẳng hạn như gửi email, gọi điện, tin nhắn mới...

Khi biết rõ việc gì quan trọng và việc gì khẩn cấp thì chúng ta sẽ vượt qua được thói quen mang tính chất bản năng là tập trung vào những công việc không quan trọng, đồng thời có đủ thời gian để làm những điều cần thiết cho thành công trong tương lai.

Về cơ bản D. Eisenhower chia công việc của mình ra thành 4 cấp độ vào một bảng như sau:

	Khẩn cấp	Không khẩn cấp
Quan trọng	P1	P2
Không quan trọng	P3	P4

+ **(P1) Những việc quan trọng và khẩn cấp:** Phải làm ngay! Có 3 loại việc

được xếp vào cấp độ này:

1. Việc xảy ra không đoán trước được: Một cuộc họp khẩn, các việc do cấp trên chỉ đạo hoàn thành gấp...

2. Việc đoán trước được: Sinh nhật, đám cưới người thân, bạn bè...

3. Việc do trì hoãn, lười, thiếu chuẩn bị để tới sát hạn chót: Hoàn thành bài thuyết trình; Hoàn thành một bản báo cáo...

Loại 1, 2 phải làm ngay lập tức nhưng với loại thứ 3, hoàn toàn có thể giảm thiểu tới tối đa bằng cách chuyển chúng thành việc P2.

+ (P2) Những công việc quan trọng nhưng không khẩn cấp: Hãy dành nhiều thời gian cho những việc này. Tuy không khẩn cấp, nhưng những công việc này rất quan trọng, nó sẽ tích lũy dần để giúp chúng ta đạt được thành tựu mong muốn.

Ví dụ: Việc học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; rèn luyện sức khỏe; học kỹ năng mới liên quan đến công việc...

Nếu đang làm việc P2 có việc P1 xuất hiện hãy hoàn thành việc P1. Sau khi giải quyết xong các việc P1 cần tiếp tục hoàn thành việc P2 đừng để sang ngày hôm sau!

+ (P3) Những việc không quan trọng nhưng khẩn cấp: rất khó để sắp xếp hay kiểm soát được những việc này. Ví dụ: Điện thoại từ người thân, bạn bè lâu ngày không gặp; các việc bạn bè, người thân nhờ giúp đỡ khi bạn đang làm việc...

Phải tìm cách giải quyết những việc này càng nhanh càng tốt. Hãy học cách kết thúc các cuộc điện thoại vô bổ một cách lịch sự. Học cách từ chối khéo léo... để giảm thời gian cho những việc này.

+ (P4) Những việc không quan trọng

và không khẩn cấp: Nên bỏ qua hoặc chỉ dành ít thời gian của mình cho những việc này bởi vì chúng tiêu tốn thời gian của chúng ta mà không đem lại lợi ích gì đáng kể, chẳng hạn lướt mạng xã hội, xem phim ảnh, đọc tin tức giật gân, buôn chuyện...

Khi có ý định làm việc gì thuộc nhóm P4, hãy tự hỏi bản thân liệu sẽ nhận được lợi ích gì? Nếu không có hoặc có rất ít, hãy kiên quyết chuyển sang việc khác để tránh lãng phí thời gian.

+ Cách phân bổ thời gian khi sử dụng ma trận Eisenhower

	Khẩn cấp	Không khẩn cấp
Quan trọng	P1: 15% - 20%	P2: 60% - 65%
Không quan trọng	P3: 10% - 15%	P4: < 5%

+ Lưu ý khi sử dụng ma trận Eisenhower

1. Ghi ra những việc cần làm xuất hiện trong đầu theo thứ tự ưu tiên.

2. Cố gắng mỗi mục chỉ nên đặt tối đa 8 đầu việc.

3. Chỉ lập một ma trận duy nhất cho cả công việc lẫn cuộc sống cá nhân, tuy nhiên, có thể lập ma trận riêng cho từng ngày/tuần/tháng.

4. Bản thân là người quyết định mức độ ưu tiên cho công việc, đừng bị phân tán bởi người khác. Hãy lập kế hoạch vào buổi sáng, sau đó bắt đầu làm và cuối cùng là tận hưởng cảm giác hài lòng vào cuối ngày./.

Đ.Q.A

❖ Phó Trưởng khoa Dân vận

Tài liệu tham khảo:

Phương pháp Eisenhower (theo Mind Tools)

"Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình để khởi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân"

Hồ Chí Minh

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA ĐẠI HỘI XII VỀ NỘI DUNG LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ THỨC VÀO GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

❖ ThS Đinh Công Tuyển

Bài giảng: “Liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” là một nội dung giảng dạy trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính với số tiết giảng là 04. Kết cấu của bài khá đầy đủ, rõ ràng, đã đề cập được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về khái niệm, tính tất yếu, tầm quan trọng cũng như nội dung của liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời khái quát được thực trạng liên minh công - nông - trí thức ở nước ta, từ đó đưa ra phương hướng nhằm tăng cường khối liên minh ở Việt Nam. Qua nghiên cứu nội dung liên minh giai cấp trong Văn kiện Đại hội XII, chúng ta thấy nhiều vấn đề được cập nhật, bổ sung, phát triển trong giai đoạn mới có thể tiếp cận để làm phong phú bài giảng, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giảng dạy của giảng viên và học tập của học viên. Các nội dung về liên minh giai cấp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay được thể hiện trên một số khía cạnh là:

Thứ nhất, Đảng ta tiếp tục khẳng định những nhận thức rõ hơn về tính chất, tầm quan trọng và mục tiêu trong xây dựng liên minh các giai tầng. Đó chính là trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thì sức mạnh của khối đại đoàn kết có vai trò quyết định thắng lợi của cách mạng, nhân dân nói chung trong đó công nhân, nông dân, trí thức chính là nòng cốt để tạo động lực to lớn phát triển đất nước. Một trong những nội dung thuộc chủ đề Đại hội XII của Đảng là: “*Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa*”¹. Khi đánh giá, nhìn lại 30 năm đổi mới, Đại hội nêu ra năm bài học, trong đó bài học thứ hai là: “*Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân làm gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức*

sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”². Và để thực hiện thành công điều này thì cần: “*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo*”³, để lực lượng này thực sự trở thành nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ hai, nhận thức mới về nội dung đấu tranh giai cấp luôn có sự bổ sung qua từng giai đoạn, đảm bảo vừa phát triển tiềm lực của các giai tầng trong xã hội, vừa giữ đúng định hướng xây dựng đất nước đi lên theo hướng đáp ứng ba chủ thể là “Dân” - “Nước” - “Xã hội” phải được “Giàu” - “Mạnh” - “Văn minh” mà Đại hội VI đã đề ra. Đại hội IX của Đảng đã nêu rõ: “*Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc*”⁴. Đến nay, những nội dung chủ yếu trên về cơ bản vẫn còn nguyên giá trị. Tuy vậy thực tiễn cũng đã có nhiều biến đổi nên cũng cần được bổ sung. Đó là việc đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo kém phát triển, do đó không phải khắc phục tình trạng này nữa mà thay bằng phấn đấu để đất nước phát triển nhanh gắn với bền vững, cùng đoàn kết để xây dựng khối liên minh vững mạnh để đưa nước ta đạt tới mục tiêu: “*Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”⁵.

Thứ ba, Đảng ta đã có nhìn nhận đúng

đến về thực trạng các chủ thể trong khối liên minh công - nông - trí thức hiện nay với những đóng góp chủ đạo cho sự phát triển của đất nước, cụ thể biểu hiện ở thành tựu và cả những hạn chế:

Về thành tựu: Cùng với quá trình đổi mới, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng được nâng lên, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức; đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam... Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện; xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn; hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường; dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững... Đội ngũ trí thức ngày càng trưởng thành, phát huy vai trò đi đầu trong nghiên cứu, sáng tạo. Nhà nước đã thực hiện các chính sách sử dụng và tạo môi trường phát huy vai trò của trí thức; đãi ngộ, tôn vinh trí thức, tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức và các hội của trí thức hoạt động, phát triển.

Tuy nhiên, nhiều mặt hạn chế, yếu kém của từng giai tầng cũng đang tác động không nhỏ tới khối liên minh. Đối với giai cấp công nhân, mặc dù trình độ có xu hướng tăng, nhưng còn chưa theo kịp so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đời sống vật chất và tinh thần của công nhân nhiều nơi chưa được bảo đảm, kỷ luật lao động chưa nghiêm, tác phong vẫn còn tự do, tùy tiện; quyền lợi hợp pháp của công nhân ở nhiều công ty, xí nghiệp bị vi phạm như trả lương không đúng hợp đồng, nợ bảo hiểm, bảo hộ lao động không bảo đảm... Giai cấp nông dân chưa được hưởng lợi tương xứng với đóng góp cho sự phát triển đất nước; quá trình xây dựng nông thôn mới tuy đã được một số kết quả bước đầu nhưng thu nhập của người dân còn chưa bền vững, chưa có nhiều mô hình

hiệu quả để phát triển bền vững nông nghiệp. Đội ngũ trí thức nước ta còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém về năng lực và sức sáng tạo: *“Năng lực đội ngũ khoa học, công nghệ còn hạn chế, thiếu các nhà khoa học đầu ngành. Số lượng sáng chế, công trình khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn ít”*⁶; các cơ chế, chính sách của Nhà nước cũng còn nhiều bất cập trong việc phát huy nguồn lực to lớn của trí thức, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi chúng ta chưa tận dụng được nhiều trí thức trình độ cao ở nước ngoài đóng góp cho đất nước⁷.

Thứ tư, từ những nhìn nhận vào thực trạng, Đảng ta đã đưa ra các giải pháp phù hợp để phát huy sức mạnh của các chủ thể trong khối liên minh công nông - trí thức trong giai đoạn hiện nay.

Một là, có các giải pháp cụ thể nhằm phát huy nội lực, đồng thời nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các bộ phận trong khối liên minh công - nông - trí thức.

Đối với giai cấp công nhân: Cần có các chính sách nhằm đào tạo đội ngũ công nhân về tri thức nghề nghiệp, kỹ năng, thái độ lao động. Mở rộng và phát triển các ngành, nghề, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập khu vực, quốc tế. Quan tâm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân lao động. Cải thiện môi trường lao động, bảo hộ lao động, chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần của người công nhân, nhất là xây dựng các thiết chế văn hóa, điều kiện nhà ở... tại các khu công nghiệp, khu chế xuất. Tăng cường quản lý, giám sát việc thực thi pháp luật để *“bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân”*⁸.

Đối với giai cấp nông dân: Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu. Phát huy vai trò Nhà nước là chủ thể trong liên kết “Bốn nhà”, định hướng các hoạt động nhằm: *“Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao*

động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin... cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp”⁹.

Đối với đội ngũ trí thức: Cần quan tâm xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng đáp ứng yêu cầu tiếp cận tri thức khoa học, công nghệ tiên tiến của thời đại, tạo cơ chế phù hợp để các nghiên cứu, ứng dụng nhanh chóng được phổ biến rộng rãi, đồng thời bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đó: *“Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước”¹⁰.*

Hai là, Chú trọng tới các hình thức tập hợp liên minh hiệu quả và giải quyết tốt những vấn đề trong khối liên minh

Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo hướng: *“Tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Mặt trận đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phân biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹¹.*

Đại hội đã nhận định chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích hợp pháp của các giai cấp,

tầng lớp nhân dân chưa được kịp thời thể chế hóa, hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc, làm ảnh hưởng tới khối liên minh. Do vậy cần phải xác định đúng, kịp thời các nhu cầu mới nảy sinh của các giai tầng trong từng giai đoạn cụ thể; trên cơ sở những tiềm năng và thực trạng kinh tế - xã hội từ đó có giải pháp đồng bộ để phát triển. Làm tốt điều này, sẽ củng cố khối liên minh, tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và phát triển xã hội, hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Như vậy, qua nghiên cứu vấn đề liên minh công - nông - trí thức ở nội dung giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học trong chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính, chúng ta thấy được Đảng ta đã sáng suốt nhìn nhận, tổng kết thực tiễn, đồng thời bổ sung lý luận để ngày càng hoàn thiện lý luận về liên minh giai cấp với những chủ thể lãnh đạo, nòng cốt trong xây dựng đất nước vì mục tiêu: *“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹².* Những nội dung phát triển, bổ sung là căn cứ cơ bản để giảng viên có thể bổ sung, cập nhật để làm cho bài giảng thực sự đạt yêu cầu đề ra./.

D.C.T

❖ Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

¹ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr55

² Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr 69

³ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr158

⁴ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, H 2001, tr86

⁵ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr11

⁶ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr250

⁷ Ước tính có khoảng hơn 400.000 người trí thức Việt kiều (trong đó có hơn 6.000 tiến sĩ và hàng trăm trí thức tên tuổi được đánh giá cao) trên tổng số hơn bốn triệu người Việt Nam đang sinh sống ở gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ

⁸ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr158

⁹ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr160

¹⁰ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr161

¹¹ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr156 - 166

¹² Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H.2016, tr 16

HỌC TẬP PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

❖ Hoàng Thị Như Quỳnh

Chủ tịch Hồ Chí Minh vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, Người đã để lại cho chúng ta một tấm gương sáng ngời về tình yêu đất nước, đạo đức, phong cách, tác phong làm việc sinh hoạt. Nói phong cách Hồ Chí Minh là nói đến những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, gắn liền với nhân cách trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng của Bác với tư cách là một vĩ nhân, một nhà văn hóa kiệt xuất. Đó là một phong cách vừa dân tộc vừa hiện đại, vừa khoa học vừa cách mạng, vừa cao cả vừa thiết thực. Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ, bao gồm: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách lãnh đạo, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt.

Nói về phong cách làm việc, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* Hồ Chí Minh phê phán nặng nề lối làm việc đủng đỉnh, chậm chạp, tự do, tùy tiện, đại khái, sự vụ, theo đường mòn, điệu sáo, lười suy nghĩ, ngại đổi mới, thích phô trương, hoành tráng về hình thức, nhưng nghèo nàn, sơ sài về nội dung của nền sản xuất nhỏ... Người nêu gương cho chúng ta về phong cách công tác mới: lấy lợi ích và hiệu quả thiết thực làm chuẩn mực cao nhất để đánh giá tác phong cán bộ và chất lượng công việc. Vì vậy, phong cách làm việc Hồ Chí Minh thể hiện trong những điểm chính sau:

Một là, phong cách làm việc khoa học. Bác dạy: Gặp mỗi vấn đề phải suy tính kỹ lưỡng, chớ hấp tấp, chớ làm bừa, chớ làm liều, chớ gặp sao làm vậy. Muốn quyết định đúng mọi vấn đề, trước hết phải điều tra nghiên cứu rõ ràng. Có nắm chắc tình hình thì đề ra chính sách mới đúng. Và mỗi khi làm xong một công việc, dù thành công hay

thất bại, phải biết tổng kết rút kinh nghiệm để làm “khuôn phép” cho những công việc khác, coi đó là chìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới. Để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác, Bác dạy phải biết lựa chọn cán bộ và sử dụng cán bộ. Bác căn dặn phải chí công vô tư trong tuyển chọn, xem xét cán bộ, bố trí cán bộ. Bác phê phán gay gắt những bệnh ưa nịnh hót, ghét những người chính trực; khi giao công tác cho cán bộ thì phải làm cho họ yên tâm công tác, vui thú công tác. Quá trình người cán bộ thực hiện nhiệm vụ thì phải tổ chức kiểm tra, kiểm soát thường xuyên từ trên xuống và từ dưới lên một cách có hệ thống. Có như vậy mới đánh giá được hoạt động của cán bộ, đảng viên và còn đánh giá được những chủ trương, chính sách đề ra có đúng hay không?

Hai là, phong cách làm việc có kế hoạch. Hồ Chí Minh đòi hỏi làm việc gì cũng phải có chương trình, kế hoạch, từ lớn đến nhỏ, từ dài hạn, trung hạn đến ngắn hạn, từ tháng, tuần đến ngày, giờ nào việc nấy. Vì làm việc có kế hoạch, dù bận trăm công, nghìn việc của Đảng và Nhà nước, Người lúc nào cũng ung dung, tự tại, vẫn có thời giờ học tập, đọc sách, xem văn nghệ, đi xuống địa phương, đi thăm danh lam, thắng cảnh... Người dạy, trong việc đặt kế hoạch: không nên tham lam, phải thiết thực, vừa sức, từ thấp đến cao, chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kể hàng triệu, nhưng không thực hiện được.

Ba là, phong cách làm việc đúng giờ. Hồ Chí Minh quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu. Người thường không để ai phải đợi mình, chủ động đến trước nếu có thể. Năm 1953, tại Việt Bắc, Người vượt qua mưa gió để đến thăm lớp chính huấn của anh chị em trí thức theo lịch hẹn. Người chủ

động đến thăm đoàn cán bộ Hà Nội dịp tết năm 1956, khi đoàn đang chuẩn bị lên Phủ Chủ tịch chúc tết Bác thì gặp mưa, lúng túng chưa xử lý được...

Bốn là, phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn. Đó là một phong cách không cố chấp, bảo thủ, luôn đổi mới. Người nói: Tư tưởng bảo thủ như sợi dây cột chân, cột tay người ta... Muốn tiến bộ thì phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm. Cuộc đời Người là một tấm gương tuyệt vời về đổi mới, có sức động viên, khích lệ, gợi mở sự đổi mới, sáng tạo cho mỗi chúng ta.

Năm là, phong cách làm việc thiết thực, cụ thể. Bác Hồ nghiêm khắc lên án bệnh hữu danh vô thực, bệnh hình thức, khi ra chỉ thị, Nghị quyết thì không gắn với điều kiện thực tế, không gắn với quần chúng và cơ sở. Trong chỉ đạo thực hiện thì không có kế hoạch cụ thể, biện pháp cụ thể, không kiểm tra, kiểm soát, không tổng kết rút kinh nghiệm. Bác chỉ rõ: Khi ra quyết định công tác hay khi định ra cách tổ chức thực hiện, không được ngồi trên bàn giấy, nghe người dân báo cáo rồi vẽ vời, do chủ quan tưởng tượng mà không đi sâu sát thực tế. Người kịch liệt phê phán những lối làm việc không thiết thực, làm cho có chuyện, làm được ít suýt ra nhiều, “để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại rỗng tuếch”.

Sáu là, phong cách nêu gương, Bác Hồ nói: “*Nói chung thì các dân tộc phương Đông giàu tình cảm và đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền*”⁽¹⁾. Người đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc mọi nơi, nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo. Thực tế cho thấy, nếu một cán bộ, đảng viên “nói một đằng, làm một nẻo” thì trước con mắt của nhân dân, họ không còn là người chiến sĩ tiên phong nữa, họ tuyên truyền sẽ chẳng ai nghe nữa. Bác còn rất coi trọng việc xây dựng làng, xã, huyện, tỉnh kiểu mẫu, những “người tốt, việc tốt”. Từ những nhân tố mới làm gương mẫu nhân rộng ra, đẩy lên phong

trào thi đua học tập và làm theo, tạo nên khí thế cách mạng hào hùng trong sản xuất công tác... rộng khắp trong cả nước.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng ta tiếp tục khẳng định đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Mục đích, yêu cầu của việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được xác định cao hơn, phạm vi rộng hơn so với Chỉ thị 06-CT/TW và Chỉ thị 03-CT/TW. Lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội XII Đảng ta khẳng định xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh không chỉ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, mà còn nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức. Đây cũng là lần đầu tiên “phong cách Hồ Chí Minh” được nhấn mạnh chính thức trong văn kiện Đại hội Đảng. Ngày 15-5-2016, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Chỉ thị 05 về “*Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, với trọng tâm là học tập và làm theo phong cách, tác phong Hồ Chí Minh về: dân chủ, nêu gương, quần chúng, khoa học, nói đi đôi với làm... với mục tiêu tạo động lực mới trong việc đổi mới phong cách, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành.

Hiện nay chúng ta đã xây dựng được phong cách làm việc khoa học cho cán bộ, đảng viên. Phong cách đó được thể hiện qua việc có ý thức chấp hành đúng các quy định của pháp luật về sử dụng thời gian làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức cần cù làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước đã chú ý áp dụng các biện pháp tổ chức lao động một cách khoa học, sử dụng hợp lý thời giờ làm việc của cán bộ, ☞ *Xem tiếp trang 31*

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

❖ Phạm Hồng Hải

“Bác ơi tim Bác mênh mông thế. /Ôm cả non sông mọi kiếp người”

Đó là một trong những vần thơ hay nhất, xúc động nhất mà nhà thơ Tố Hữu đã dành tặng để ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã cống hiến và hy sinh cho sự nghiệp cách mạng và giải phóng dân tộc vì độc lập tự do, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân, Người luôn dành tất cả tình yêu bao la cho đồng bào, đồng chí... Một trong những vấn đề mà Hồ Chủ tịch đặc biệt quan tâm đó chính là bình đẳng giới.

Lúc sinh thời, Người đã từng khẳng định: *“Công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Đàn bà có quyền bình đẳng với đàn ông về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình”*⁽¹⁾. Nhận rõ vai trò của phụ nữ thế giới nói chung, phụ nữ Việt Nam nói riêng, Người nhận định rằng: *“Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”*⁽²⁾. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Phụ nữ chiếm một nửa nhân loại, nói đến phụ nữ là nói đến một nửa xã hội, theo Người, *“Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng”*⁽³⁾; *“Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”*⁽⁴⁾. Vì sao Bác lại khẳng định như vậy? Hơn ai hết, Bác là người hiểu rõ rằng: Trong xã hội, người phụ nữ là người bị áp bức, chịu đau khổ và thiệt thòi nhiều nhất. Dưới chế độ phong kiến, người phụ nữ không được coi trọng - *“Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”*. Trong khi đó, phụ nữ là lực lượng quan trọng của cách mạng, sẵn sàng đi với cách mạng. Người phụ nữ còn có chức năng đặc biệt: tái sản xuất sức lao động cho xã hội, thực hiện thiên chức làm vợ, làm mẹ, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của gia đình. Do đó, Người đề ra nhiệm vụ cho Đảng phải chăm lo giải phóng phụ nữ. Trong hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, Hồ Chí Minh chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng

không chỉ giành lại độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho nông dân nghèo, các sản nghiệp lớn cho công nhân, các quyền dân chủ tự do cho nhân dân, mà còn nhằm: *“thực hiện nam nữ bình quyền”*⁽⁵⁾. Mục tiêu này đã được Người đưa vào Chương trình của Mặt trận Việt Minh. Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần tuyên bố với thế giới và quốc dân rằng: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Tư tưởng nam nữ bình quyền của Người không chỉ được ghi trong Luận cương của Đảng mà còn được thể chế hóa sớm nhất trong điều 9 Hiến pháp năm 1946. Từ đó, quyền bình đẳng nam nữ được công bố và thừa nhận qua các văn bản quan trọng: Hiến pháp, pháp luật về hôn nhân và gia đình, các chỉ thị, chính sách... đối với lao động nữ. Tư tưởng của Bác phù hợp với Tuyên bố của thế giới về quyền của con người: mọi dân tộc trên thế giới đều có quyền hưởng tự do và bình đẳng. Đánh giá cao vai trò của phụ nữ khi nhìn nhận họ là một lực lượng lao động đông đảo của xã hội, Người còn thấy rõ khả năng làm việc không thua kém nam giới của phụ nữ. Người nêu những tấm gương tiêu biểu của phụ nữ như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Định... Vì vậy, theo Người *“phải kính trọng phụ nữ”*; *“phải thật sự bảo đảm quyền lợi của phụ nữ”*. Người còn nhấn mạnh: *“để xây dựng được chủ nghĩa xã hội thì phải thực sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ”*⁽⁶⁾; và Người còn chỉ rõ rằng: *“chúng ta làm cách mạng để tranh lấy quyền bình đẳng, trai gái đều ngang quyền như nhau”*⁽⁷⁾. Quan tâm tới vị trí của phụ nữ trong xã hội, đồng thời Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên rằng, một trong những nhiệm vụ của phụ nữ dưới chế độ ta là phải *“hăng hái tham gia chính quyền”*. Người còn nói, nếu cán bộ lãnh đạo là nữ mà ít, đây cũng là một thiếu sót của Đảng. Về nguyên nhân của tình trạng

phụ nữ ít được tham gia lãnh đạo quản lý, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh đó là vì “*Nhiều người còn đánh giá không đúng khả năng của phụ nữ, hay thành kiến, hẹp hòi, như vậy là rất sai*”⁽⁸⁾. Với cương vị của một Chủ tịch nước, trong những lo lắng quan tâm chung cho đồng bào cả nước, Bác luôn quan tâm tới sự bình đẳng của phụ nữ Việt Nam. Rất nhiều lần Người phê phán những thái độ đối xử không tốt đối với phụ nữ như coi thường không tin tưởng chị em, tệ đánh vợ... Mỗi hội nghị, nếu có đại biểu nữ, Bác thường mời lên đầu, ân cần hỏi han đến chuyện gia đình con cái, đến cuộc sống và những khó khăn riêng của chị em. Bác không cho đoàn đại biểu của một tỉnh chụp chung ảnh với Bác vì trong đoàn không cử phụ nữ... Quyền lợi chính trị của chị em luôn được Bác chú ý. Bác nói Đảng và Chính phủ sẵn sàng tạo điều kiện cần nhắc và giao cho phụ nữ những chức trách quan trọng.

Cần phải nói rằng không phải ai cũng có được một cái nhìn tiến bộ về phụ nữ như Bác. Suốt chiều dài của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, những lời khen ngợi động viên, những đánh giá cao của người luôn là điểm tựa tinh thần lớn lao để phụ nữ nước ta hoàn thành nhiệm vụ. Tự hào thay khi Bác ca ngợi phụ nữ Việt Nam:

“Phụ nữ ta chẳng tầm thường. /Đánh Đông, dẹp Bắc làm gương để đời”

Chúng ta thật xúc động khi nghe Bác nhận xét chị Nguyễn Thị Định - một người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu: “*Phó Tổng tư lệnh quân giải phóng là cô Nguyễn Thị Định. Cả thế giới chỉ nước ta có vị tướng quân gái như vậy. Thật là vẻ vang cho miền Nam, cho cả dân tộc!*”⁽⁹⁾. Và Bác đã thay mặt cho Đảng, Nhà nước tặng phụ nữ Miền Nam nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung 8 chữ vàng: “*Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*”. Không chỉ quan tâm đến quyền bình đẳng của nữ giới trong quan hệ xã hội mà Bác Hồ còn lo cho hạnh phúc của nữ giới trong quan hệ vợ chồng, Bác khuyên chị em ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình để tự đấu tranh giải phóng mình khỏi những ràng buộc phi lý kiểu “*chồng chúa vợ tôi*”. Bác phê phán tình trạng chồng đánh vợ và khẳng định đây là tệ nạn về mặt đạo

đức và vi phạm pháp luật: “*Đàn ông là người công dân, đàn bà cũng là người công dân, dù là vợ chồng, người công dân này đánh người công dân khác tức là phạm pháp*”⁽¹⁰⁾. Trước lúc ra đi vào cõi vĩnh hằng, Bác Hồ kính yêu của dân tộc ta, người thầy vĩ đại của Đảng ta, đã để lại cho chúng ta bản Di chúc quý giá, trong đó có những dòng viết riêng cho phụ nữ Việt Nam “*Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ*”⁽¹¹⁾. Có thể nói rằng tư tưởng giải phóng phụ nữ, đem lại quyền bình đẳng cho phụ nữ của Bác có ý nghĩa hết sức lớn lao: tư tưởng ấy đã chỉ dẫn cho người phụ nữ Việt Nam, cổ vũ chị em trên con đường đấu tranh đi tới bình đẳng tự do cùng nhân loại tiến bộ. Tư tưởng ấy cũng cho mỗi chúng ta một bài học nhân văn: coi trọng con người, tất cả vì con người.

Quán triệt sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước ta đã vận dụng và phát triển một cách toàn diện tư tưởng của Bác về bình đẳng giới trong công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện nay Đảng và nhà nước ta đang đồng thời triển khai hai đạo luật về: Bình đẳng giới và chống bạo lực gia đình chính là thực hiện tư tưởng của Bác Hồ trong sự nghiệp đổi mới - hội nhập, xây dựng một xã hội Việt Nam giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc./ **P.H.H**

❖ Khoa Dân vận

- (1) Hiến pháp 1946, Điều 9
- (2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2001, t.7, tr.340
- (3), (7) *Bài nói chuyện với đồng bào, cán bộ tỉnh Thái Bình năm 1966*
- (4) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2001, t.12, tr.300
- (5) Văn kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930
- (6) Trong bài “*Phải thật sự tôn trọng quyền lợi của phụ nữ*”
- (8) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2001, t.15, tr.275
- (9) *Bài nói chuyện nhân dịp kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam*
- (10) Trong dịp gặp gỡ với cán bộ tỉnh Hà Tây ngày 10/2/1967
- (11) Tác phẩm Di chúc

NGÀY XUÂN, NHÀN ĐÀM VỀ BIA RƯỢU

❖ ThS Đoàn Quang Duy Tuấn

*“Ngồi bàn tiệc đừng ra vẻ anh hùng,
vì rượu đã làm cho lắm người gục ngã.”*

Khổng Tử

Một mùa xuân mới đang về, tết gõ cửa từng nhà, mọi ngõ ngách từ thành phố lớn đến mọi thôn quê, không phân biệt sang nghèo đều tràn ngập không khí tết. Vị tết không lẫn đi đâu được với bánh chưng xanh, câu đối đỏ và cả những phong bao lì xì mừng tuổi, với nét mặt hào hứng của trẻ nhỏ.

Tết đến cùng với sự sum họp của gia đình, đón những thành viên đi xa về và cả những người bạn thân, đồng nghiệp thân thiết, cùng ngồi lại bên cái không khí đầm ấm của tách trà nóng cùng tiếng hít hà của mứt gừng cay và cái lạnh se se đặc trưng của Đà Lạt. Chuyện đông chuyện tây xen lẫn câu chúc một năm an khang, bên cốc bia, chén rượu thơm mừng xuân, con người tạm quên đi sự xô bồ của cuộc sống thường nhật, chia tay những rủi ro của năm cũ để chuẩn bị đón một năm mới với bao kì vọng. Cũng không biết tự khi nào, chén rượu xuân đã trở thành nét văn hóa của nhiều quốc gia trong đó có người Việt chúng ta.

Người Việt chúng ta dường như có văn hóa uống bia rượu đơn giản, không cầu kỳ như văn hóa trà, thanh tao lịch lãm. Có khi uống bia rượu cũng cần có sự kiện, cần có bạn hiền để đối ẩm, nhưng có khi chỉ cần gặp, họp nhau gọi vài ba chai là đã có thể lai rai hàn huyên hàng tiếng. Và thử hỏi, có ai chưa từng nghe nói đến rượu làng Vân, Bàu Đá, Đạ Tẻh nức tiếng hay bia hơi bình dân Hà Nội cho đến bia Sài Gòn, Huda Huế.

Thế bia rượu có gì tốt mà chúng ta chưa biết? Theo thông tin Trung tâm Truyền thông - Giáo dục Sức khỏe thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, chỉ khi uống điều độ với số lượng vừa phải (01 lon bia 330ml hay 1 ly vang 110ml/ngày, hoặc 1 ngụm rượu nặng

30ml/ngày) với những người có sức khỏe bình thường, bia rượu mang lại cho chúng ta những lợi ích như sau:

- Bia rượu kích thích tiêu hóa, ăn uống ngon miệng, tăng điều kiện bổ dưỡng.
- Làm tăng nhịp tim, tăng sức co bóp cơ tim làm tăng lưu thông máu.
- Rượu bia vừa đủ có thể giúp giảm nguy cơ bệnh tim mạch do làm tăng HDL cholesterol tốt cho thành mạch máu (khác LDL cholesterol làm xơ cứng mạch máu).
- Rượu bia vừa phải giúp tinh thần trở nên phấn chấn, tỉnh táo, còn có tác dụng làm dịu bớt căng thẳng, làm tinh thần thanh thản hơn, ngủ ngon.

Tuy nhiên, bên cạnh đó bia rượu cũng mang lại cho chúng ta vô số tác hại sau:

- Còn có tác dụng kích thích làm cho cơ thể hưng phấn dần đến kích động, bạo lực, sau đó sẽ ức chế não làm giảm nhịp thở, nhịp tim, giảm khả năng cử động chính xác, giảm tập trung chú ý, suy nghĩ kém nhanh nhạy...
- Phụ nữ mang thai uống rượu có thể gây những phản ứng bất lợi cho bào thai, khiếm khuyết cơ thể hoặc chứng nhiễm độc bào thai, chậm phát triển tâm thần và có vấn đề về hành vi.
- Uống bia rượu nhiều gây tăng huyết áp, tổn thương cơ tim, loét dạ dày tá tràng, liên quan đến nhiều bệnh ung thư miệng, họng, thực quản....
- Gây viêm loét chảy máu dạ dày, viêm gan, tổn thương chức năng gan, đặc biệt nguy hiểm khi nhức đầu do rượu mà lại uống paracetamol.

Câu hỏi đặt ra là uống bia rượu ở ngưỡng thế nào gọi là an toàn? Cục Y tế Dự phòng, Bộ Y tế cũng khuyến cáo không có một tiêu chuẩn cho mức độ tiêu thụ còn bao

Nghiên cứu - Trao đổi

nhieu là có hại. Lý do là nguy cơ và hậu quả do sử dụng rượu bia khác nhau, phụ thuộc vào tuổi, giới tính và các đặc tính sinh học khác của từng người, cũng như hoàn cảnh và cách thức uống rượu bia khác nhau. Điều đó có nghĩa không có mức độ uống rượu bia nào là an toàn. Các bằng chứng khoa học cho thấy uống một lượng rất nhỏ rượu bia cũng có thể gây ra các nguy cơ và hậu quả sức khỏe nhất định.

Và cũng phải nhắc nhở nhau rằng, theo Nghị định 46 của Chính phủ áp dụng từ ngày 1/8/2016, đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80mg/100ml máu hoặc vượt quá 0,4mg/lít khí thở sẽ bị phạt tiền từ 16-18 triệu đồng. Mà theo tính toán, một người đàn ông nặng 70 kg nếu uống 5 ly rượu mạnh hoặc 5 lon bia trong vòng 2 giờ đồng hồ thì lượng cồn trong máu sẽ vượt quá 80 mg/100ml. Đối với những người có tầm vóc nhỏ hơn như chúng ta, chưa cần tới 5 lon bia cũng là đã đủ vượt ngưỡng!!!

Ngày xuân còn dài, nhưng những ngày

không xuân lại còn dài hơn. Trong cái chênh choáng của men say và cả của men đất trời vào xuân, hãy để uống bia rượu thành một nét thi vị của ngày tết, và chúng ta còn đủ tỉnh táo tiếp tục ngồi lên chuyến xe cuộc đời rong ruổi cùng nhau “nhấp chén đầy vui, chúc người người vui” mỗi độ xuân về./. **Đ.Q.D.T**

❖ *Khoa Lý luận Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh*

NGHỊ ĐỊNH 46/2016/NĐ-CP QUY ĐỊNH CÁC MỨC PHẠT VỀ VI PHẠM NỒNG ĐỘ CỒN

- Phạt tiền từ 2 đến 3 triệu đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50mg/100ml máu hoặc chưa vượt quá 0,25mg/lít khí thở.

- Phạt tiền từ 7 - 8 triệu đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50-80mg/100ml máu hoặc vượt quá 0,25 đến 0,4ml/lít khí thở.

- Phạt tiền từ 16-18 triệu đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80mg/100ml máu hoặc vượt quá 0,4mg/lít khí thở. Mức phạt này cũng được áp dụng đối với các hành vi: Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ; Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy của người thi hành công vụ.

☞ *Tiếp theo trang 14*

BẢO LÂM LÀM TỐT CÔNG TÁC...

đó đòi hỏi phương thức nội dung triển khai thực hiện theo hướng phát huy dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ, giám sát và sự tham gia của người dân trong thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực có trình độ là người dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho đồng bào vùng dân tộc, đảm bảo đồng bào vùng sâu, vùng xa được tiếp cận các dịch vụ y tế hiện đại. Xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, không để xảy ra điểm nóng, ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để lừa gạt, lôi kéo, kích động đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, cần phải tiếp tục vận động đồng bào dân tộc tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua

yêu nước, sáng tạo trong lao động sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến tâm gương người tốt, việc tốt, các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, sơ kết, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện chủ trương và chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc; động viên khuyến khích già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc và mọi người tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ. Có như vậy, vùng đồng bào dân tộc thiểu số mới phát triển nhanh và bền vững, góp phần cùng Bảo Lâm phấn đấu đến năm 2018 đạt huyện nông thôn mới./.

L.T.T.P

❖ *Phó Trưởng khoa Lý luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh*

HIỆP ĐỊNH PARIS - ĐỈNH CAO THẮNG LỢI TRÊN MẶT TRẬN CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG, NGOẠI GIAO CỦA ĐẢNG

❖ Nguyễn Thị Thu Hương

Cách đây đúng 44 năm, ngày 27/1/1973, tại Paris, “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam”, gọi tắt là Hiệp định Paris về Việt Nam, đã được ký kết. Đây một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hiệp định Paris là thắng lợi tổng hợp của cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Trong đó, đỉnh cao là thắng lợi trên mặt trận chính trị, tư tưởng, ngoại giao của Đảng.

Từ sau Tết Mậu Thân (năm 1968), Ních-xon lên cầm quyền, chính vào lúc đế quốc Mỹ đang gặp những khó khăn lớn trên chiến trường, ở nước Mỹ và cả ở trên thế giới, chủ yếu là do những thất bại nặng nề và liên tiếp ở Việt Nam, Mỹ cảm thấy không thể đánh thắng Việt Nam bằng quân sự, nên đã tương kế, tựu kế một mặt chấp nhận xuống thang ngòi vào Hội nghị Paris bàn về chấm dứt chiến tranh, mặt khác phải thay đổi chiến lược, đề ra “*Học thuyết Ních-xon*”. Ở Việt Nam chính là “*Việt Nam hoá chiến tranh*”.

Thủ đoạn về tư tưởng trong “*Học thuyết Ních-xon*” rất nguy hiểm vì gây ra một tâm lý sai lầm trong nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ cũng như đối với một số người trong nhân dân ta là Mỹ “*tìm kiếm hoà bình*”. Ních-xon đã thay đổi chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam, coi chiến lược “*Việt Nam hoá chiến tranh*” là thí điểm và là một biện pháp quan trọng thực hiện “*học thuyết*” mang tên mình. Sự nguy hiểm đó được thể hiện rõ: “*Ấm mưu lâu dài của đế quốc Mỹ và tay sai là tìm mọi cách xoá bỏ sự tồn tại của chính quyền và quân đội cách mạng để chúng độc chiếm miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành một nước*

riêng với một chế độ chính trị “quốc gia” thân Mỹ, một nền kinh tế và văn hoá chịu sự chi phối của Mỹ. Đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục duy trì một sự cam kết nhất định về quân sự và tiếp tục giúp đỡ nguy quyền Sài Gòn để cho bọn tay sai đủ sức đứng vững và đối phó với miền Bắc, đồng thời bảo đảm cho Mỹ bám trụ lâu dài ở miền Nam, mà tránh được nguy cơ phải dính líu trực tiếp vào một cuộc chiến tranh mới ở Việt Nam” [1, tr.147].

Mục đích của học thuyết này vẫn nhằm duy trì vai trò bá chủ, vai trò sen đầm quốc tế của Mỹ, tiếp tục thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ trên thế giới. Sự thay đổi chỉ là ở phương pháp và thủ đoạn tiến hành. “*Việt Nam hoá chiến tranh*” là một ý đồ chiến lược hết sức thâm độc của đế quốc Mỹ nhằm kéo dài chiến tranh xâm lược, từng bước rút quân Mỹ mà chính quyền Sài Gòn vẫn mạnh lên, giành thế mạnh trong thế thua, tìm lối thoát khỏi bế tắc mà vẫn duy trì được chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ ra sức tung tin bịa đặt, dựng đứng những thất bại giả tạo một cách lố bịch về các mặt quân sự, chính trị của quân và dân ta ở miền Nam và miền Bắc. Ở miền Nam, tuyên truyền khoác lác rằng tình hình quân sự đã được cải thiện khả quan hơn; bịa ra thắng lợi của chính sách “*xây dựng nông thôn*” đã đẩy du kích và chủ lực Việt cộng ra khỏi nông thôn để xuyên tạc thế tổng tiến công và nổi dậy của Quân giải phóng. Mặc dù đã thất bại thảm hại, nhưng với bản chất phản động và xâm lược, Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm; vẫn tích cực hoạt động chiến tranh tư tưởng, kích động tiếp tay cho các thế lực phản động khác gây ra cho chúng ta nhiều khó khăn, phức tạp. Tháng 4 năm 1972, Tổng thống Mỹ Ních-xon hai lần trình trọng tuyên bố trước công chúng Mỹ

và thế giới: “*Nếu có một cuộc tiến công của cộng sản thì những tuyến phòng thủ của Việt Nam Cộng hòa có thể chùng nhưng không đứt, và Quân lực Việt Nam Cộng hòa chiến đấu dũng cảm và tốt. Việt Nam hóa đã tỏ ra thành công. Chúng ta đã đi được một đoạn đường dài. Người Việt Nam (chính quyền Sài Gòn) đã đạt được tiến bộ to lớn...*” [2, tr.13].

Thông tin do điệp báo chiến lược của ta lấy được trong “*Mục tiêu kế hoạch chiến lược năm 1974*” của chính quyền Sài Gòn thể hiện rõ âm mưu thâm độc của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là: duy trì “*thế cân bằng lực lượng*” bằng cách hòa hoãn với Liên Xô, Trung Quốc để thực hiện Học thuyết Nixon về “*Việt Nam hóa chiến tranh*” trong điều kiện có Hiệp định. Thực hiện mưu đồ đó, Tổng thống chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã ra lệnh thực hiện chiến dịch “*Tràn ngập lãnh thổ*”, hòng “*lấn đất, chiếm dân*”, lập ranh giới chiếm đóng mới trước thời điểm Hiệp định Paris có hiệu lực; tạo thế giằng co buộc Mỹ phải tham chiến trở lại. Về ngoại giao, tiếp tục giữ lập trường xâm lược ngoan cố và tung ra những đề nghị bịp bợm về hòa bình, ngưng bắn... để xoa dịu và lừa bịp dư luận... Những tin tức giá trị đó, kết hợp với kết quả hoạt động nắm địch trên chiến trường đã làm cơ sở vững chắc cho Đảng ta hoạch định chủ trương chỉ đạo chiến lược cách mạng.

Từ những âm mưu và thủ đoạn của “*Học thuyết Nixon*”, Đảng ta đã đề ra những chủ trương và chỉ đạo đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, ngoại giao. Cụ thể như:

Sau Tết Mậu Thân, Mỹ tích cực thực hiện chương trình “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, cũng là thời gian bắt đầu hội nghị bốn bên tại Paris, chúng ta bước vào giai đoạn đấu tranh mới với một tình hình khá phức tạp. Trước tình hình đó, ngày 10 tháng 5 năm 1969, Nghị quyết của Bộ Chính trị đề ra chủ trương: “*Đánh bại âm mưu kết thúc chiến tranh trên thế mạnh và chủ trương “phi Mỹ hoá” chiến tranh của chúng, đánh cho Mỹ phải rút quân, đánh cho nguy phải suy sụp*

và ta giành được thắng lợi quyết định, tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà. Ra sức tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, chủ trương, chính sách của Đảng, chống tự do tùy tiện” [3, tr.350].

Thời gian này, cuộc đấu tranh ngoại giao giữa ta và Mỹ ở Paris đang căng thẳng. Mỹ rất ngoan cố và đang dùng nhiều thủ đoạn để ép ta điều này rồi điều khác, đồng thời ra sức lừa bịp dư luận. Khả năng xấu đang tăng lên. Những biểu hiện lơ là cảnh giác, lộ bí mật, ảo tưởng và lúng chùng chờ đợi hoà bình, bàn tán linh tinh đều là sai lầm và có hại. Tháng 3 năm 1969, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục (mở rộng) lần thứ sáu, quyết tâm: “*Tấn công địch trên lĩnh vực chính trị tư tưởng một cách liên tục, kiên quyết và có hệ thống, kịp thời vạch trần mọi tội ác, mọi thủ đoạn tàn bạo và âm mưu lừa mị của địch, ra sức khoét sâu nhược điểm và những mâu thuẫn rối ren trong nội bộ chúng, làm cho quân chúng căm thù địch một cách sâu sắc, thêm quyết tâm đánh đổ chúng và kiên quyết giành chính quyền về mình*” [4, tr.634].

Tiếp đó, tháng 6 năm 1969, Đại hội đại biểu quân dân miền Nam họp và thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Đây là một thắng lợi quan trọng về chính trị và đáp ứng yêu cầu đầy mạnh đấu tranh ngoại giao. Thực hiện nhiệm vụ của Bộ Chính trị, ngoại giao đã vận dụng diễn đàn Hội nghị bốn bên lên án Mỹ kéo dài chiến tranh, rút quân nhỏ giọt, tranh thủ dư luận, không cho Mỹ dùng việc rút dần quân để chuyển sức ép về phía chính quyền cách mạng; đánh vào chỗ yếu là Mỹ không định được thời hạn rút hết quân; dư luận ở Mỹ và trên thế giới đều đòi phía Mỹ đáp ứng để sớm có hòa bình. Trong nước, Đảng chỉ đạo công tác tư tưởng triển khai dưới nhiều hình thức, phương pháp phong phú, đa dạng, sáng tạo, linh hoạt, mang lại hiệu quả cao; đã huy động được sự tham gia tích cực của toàn Đảng, của cả hệ thống chính trị và các tầng

lớp nhân dân, nòng cốt là các binh chủng và đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, tạo ra một mặt trận tư tưởng sâu rộng, thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của các tổ chức và cấp ủy Đảng. Ở miền Nam, Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam và Ban Tuyên huấn các khu ủy, tỉnh ủy được thành lập với chức năng tham mưu về công tác tư tưởng và làm nhiệm vụ như một bộ máy chuyên trách kiểm tra, đôn đốc, thực hiện các mặt công tác tuyên huấn và khoa giáo. Các cơ quan báo chí, văn hóa, văn nghệ, trường đào tạo cán bộ được thành lập để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, cổ động, phục vụ quân và dân ta. Công tác tư tưởng đã cổ vũ quân và dân ta đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang trên cả 3 vùng chiến lược, góp phần thực hiện 3 mũi giáp công, khơi dậy lòng yêu nước, chí căm thù giặc sâu sắc và tinh thần quyết chiến, quyết thắng, thấp sáng lên ngọn lửa niềm tin, khơi dậy ý chí bền gan tranh đấu ngay trong lòng địch của quân và dân ta.

Tháng 1 năm 1970, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 18, điểm lại tình hình từ Tết Mậu Thân, đề ra phương hướng, giải pháp đưa cuộc kháng chiến tiến lên. Tăng cường chỉ đạo đấu tranh chính trị nhằm vạch trần các thủ đoạn xảo quyệt của địch, đánh bại các thủ đoạn chiến tranh tư tưởng. Hội nghị khẳng định: *“Phải đẩy mạnh hơn nữa công tác phát động quần chúng ở nông thôn với khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, phát triển phong trào đấu tranh chính trị tiến tới khởi nghĩa vũ trang; đồng thời phải tăng cường giáo dục chính trị cho quần chúng, tăng cường chỉ đạo đấu tranh chính trị nhằm vạch trần các thủ đoạn xảo quyệt của địch, đánh bại các thủ đoạn chiến tranh tư tưởng, các thủ đoạn “chiêu hồi, chiêu hàng”, các âm mưu dồn dân, bắt lính của địch”* [5, tr.82-83]. Đúng như dự đoán của Đảng, tháng 4 năm 1970, Mỹ và chính quyền Sài Gòn mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào nhằm chặt đứt hành lang tiếp vận của ta từ Bắc vào Nam qua Trung và Hạ Lào; đánh bật lực lượng ta ra khỏi bàn

đạp chiến lược Campuchia cô lập cách mạng miền Nam, duy trì chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở cả ba nước trên bán đảo Đông Dương. Căn cứ các nghị quyết của Đảng, công tác tư tưởng đã giải thích rõ trong Đảng, trong nhân dân và các lực lượng vũ trang về quan điểm Đông Dương là một chiến trường, chỉ rõ âm mưu mới của Mỹ, giáo dục nâng cao tinh thần quốc tế vô sản, sát cánh với nhân dân Lào và Campuchia chống đế quốc chi phối toàn bộ cục diện chiến trường Đông Dương, quân dân miền Nam phải đánh bại kế hoạch bình định của địch và chiến lược *“Việt Nam hoá chiến tranh”* của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Sang năm 1971, Mỹ một mặt phải tiếp tục rút quân viễn chinh Mỹ và chur hầu ra khỏi miền Nam, mặt khác tiếp tục kế hoạch Việt Nam hoá chiến tranh bằng cách cố bình định nông thôn với nhiều thủ đoạn xảo quyệt, nhất là đánh phá hạ tầng cơ sở ta. Trước tình hình đó, ngày 30 tháng 12 năm 1971, Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy V (mở rộng) đưa ra chủ trương: *“Trước mắt cần đẩy mạnh tấn công chính trị làm tan rã tư tưởng quân nguy, phá rã về căn bản phụ quân, phá rã mạnh địa phương quân, phát động quần chúng đấu tranh bằng bạo lực chống bắt lính, phát động phong trào phản chiến, binh biến, khởi nghĩa đều khắp, phát triển mạnh cơ sở trong hàng ngũ địch, đẩy mạnh vận động người nhà binh sĩ, sử dụng được số đông người nhà binh sĩ làm lực lượng xung kích đấu tranh chính trị và binh vận, phát động phong trào người nhà binh sĩ đi tìm và giành chồng, con, em về. Hết sức chú trọng vận động binh lính trong bộ binh và các binh chủng đồng thời chú trọng hơn nữa công tác vận động sĩ quan. Khi có ngừng bắn cần phát động cho được cao trào đấu tranh trong quân nguy vận động binh sĩ nguy trả súng trở về với nhân dân”* [6, tr.608-609].

Năm 1972 là năm hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Đầu năm 1972, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 20 *“về tình*

hình cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ cần kíp của chúng ta”, đề ra chủ trương: “*Đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và binh vận, phát triển thế tiến công chiến lược mới trên toàn chiến trường miền Nam là chiến trường chính... Đánh bại chính sách “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ, đánh bại “học thuyết Ních-xơn”, tạo ra một chuyển biến căn bản làm thay đổi cục diện chiến tranh ở miền Nam Việt Nam và trên cả bán đảo Đông Dương, giành thắng lợi to lớn, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh trên thế thua bằng một giải pháp chính trị có lợi cho ta mà chúng phải và có thể chấp nhận được*” [7, tr.144-145]. Đón trước thời điểm chính trị của nước Mỹ năm 1972, từ tháng 5/1971 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã nhắc nhở “*phải đề phòng Mỹ tăng cường hành động quân sự. Tuyệt đối không được lơ là mắt cảnh giác*”. Các hoạt động tư tưởng đã lên án mạnh mẽ và tố cáo trước dư luận thế giới và nhân dân Mỹ những thủ đoạn tàn bạo của Ních-xơn.

Thời gian này, Đảng mở mặt trận ngoại giao, thông tin, tuyên truyền ngay trong lòng nước Mỹ và các nước phương Tây. Thúc đẩy phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh. Thành lập Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ, gọi tắt là Ủy ban Việt - Mỹ. Ủy ban đã làm đầu mối quan hệ với tất cả các tổ chức và cá nhân của phong trào phản chiến ở Mỹ. Phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ thực sự là một phong trào nhân dân chưa từng có trong lịch sử nước Mỹ, làm rung động nước Mỹ. Báo chí Mỹ gọi đó là “*Cuộc chiến tranh ở trong lòng nước Mỹ*”. Phong trào tập hợp nhiều tầng lớp thanh niên, sinh viên, phụ nữ, công nhân, trí thức, nhà báo, chức sắc tôn giáo... với các hình thức đấu tranh phong phú. Nhiều thanh niên Mỹ đã đốt thẻ quân dịch, trốn quân dịch, bỏ ra nước ngoài để không phải đi lính, đòi bãi bỏ chế độ quân dịch... Đặc biệt, nhiều vụ tự thiêu của người dân Mỹ để phản đối chiến tranh Việt Nam: ông Norman Morrison tự thiêu trước Bộ Quốc phòng Mỹ, ông Roger Allen LaPorte tự thiêu trước trụ sở Liên Hiệp Quốc, bà Alice

Herz tự thiêu ở thành phố Detroit... đã đẩy lên hồi chuông thức tỉnh nhân loại tiến bộ thế giới, đánh mạnh vào chính sách xâm lược của Mỹ tại Việt Nam. Phong trào sôi động quyết liệt đến mức tất cả báo chí phe tả cũng như phe hữu đều đồng loạt thừa nhận: “Đây là một phong trào chống chiến tranh không những chưa từng có ở Mỹ cũng như chưa từng có trong lịch sử nhân loại” [8, tr.347].

Có thể nói, Hiệp định Paris là đỉnh cao thắng lợi của mặt trận chính trị, tư tưởng, ngoại giao Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước, là mốc son trong trang sử vàng của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam, như lời của Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình: “*Cuộc chiến đấu không dùng súng đạn mà bằng đấu trí, đấu lý, nhưng cũng vô cùng khó khăn, nhất là những cuộc đàm phán bí mật. Động lực chính giúp chúng tôi kiên trì đấu tranh và hoạt động tích cực, đó là vì lợi ích tối cao của dân tộc, là niềm tin tuyệt đối vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến của nhân dân ta*”. Thắng lợi đó, trước hết bắt nguồn từ thắng lợi của cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng với những nỗ lực phi thường, quyết tâm chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì độc lập tự do, thống nhất đất nước của quân và dân trên các chiến trường, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán, phải xuống thang và cuối cùng phải ký Hiệp định Paris, dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta vào mùa Xuân 1975./.

N.T.T.H

❖ **Trưởng khoa Xây dựng Đảng**

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34, (1973), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Phạm Thành (1980), *Nói chuyện chiến tranh tâm lý*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 30, (1969), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34, (1973), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 31, (1970), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 32, (1971), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 33, (1972), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Bộ Ngoại giao (2004), *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Pari*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

CUỘC TỔNG TUYỂN CỬ ĐẦU TIÊN NĂM 1946

Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI

❖ Nguyễn Thị Nhã

Cả hơn 4 tháng sau ngày độc lập, toàn thể nhân dân ta đón chào ngày hội lớn - ngày Tổng tuyển cử trong cả nước. Dưới ách thống trị tàn bạo của đế quốc và phong kiến, người dân Việt Nam bị tước đoạt mọi quyền dân chủ. Cách mạng Tháng Tám đã thổi một luồng gió mới vào mọi mặt của đời sống xã hội, đem lại quyền làm chủ cho mỗi công dân. Lần đầu tiên, mọi người được tự do thảo luận, bàn bạc và chọn lựa những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 6-01-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên đã diễn ra trong cả nước, kể cả các vùng đang có chiến sự ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên... Ở Hà Nội, 91,95% cử tri của 74 khu nội thành và 118 làng ngoại thành đã đi bỏ phiếu trong không khí tràn đầy phấn khởi của ngày hội dân chủ. Kết quả, 6 trong số 74 ứng cử viên đã trúng cử đại biểu Quốc hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trúng cử với số phiếu cao nhất (98,4%). Ở các địa phương khác trong cả nước, cuộc Tổng tuyển cử cũng được tiến hành sôi nổi. Riêng các tỉnh phía Bắc, mặc dù phải đối phó với âm mưu phá hoại hết sức tinh vi và trắng trợn của kẻ thù, nhưng nói chung Tổng tuyển cử diễn ra an toàn. Ở các tỉnh phía Nam, nhất là ở Nam Bộ, nhân dân đi bỏ phiếu rất đông, bất chấp bom đạn của giặc Pháp.

Cuộc tổng tuyển cử diễn ra trong điều kiện cách mạng đứng trước thử thách ngàn cân treo sợi tóc, khó khăn chồng chất, lại diễn ra trong điều kiện nhân dân Việt Nam vừa thoát khỏi ách nô lệ. Tuy nhiên, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quyết định tổng tuyển cử và đưa cuộc tổng tuyển cử đến thành công. Đó là một quyết định dũng cảm, táo bạo, kịp thời, chủ động và nhạy bén, xuất phát từ bản

lĩnh chính trị, khoa học và thực tiễn sâu sắc. Đó là thắng lợi của những khát vọng sâu xa nhất, bức thiết nhất của nhân dân với lãnh tụ kiệt xuất là Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng. Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đánh dấu bước trưởng thành của Nhà nước cách mạng Việt Nam, mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ đất nước ta có một Quốc hội, một Chính phủ thống nhất, một Hiến pháp tiên bộ và một hệ thống chính quyền hoàn toàn đầy đủ danh nghĩa về mặt pháp lý để đại diện cho nhân dân Việt Nam về đối nội, đối ngoại. Cuộc bầu cử là căn cứ để khẳng định Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tính chất hợp pháp, dân chủ - nhà nước của dân, do dân và vì dân, được quốc dân giao phó trọng trách điều hành đất nước, tổ chức toàn dân kháng chiến kiến quốc, giải quyết mối quan hệ của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tổng tuyển cử đầu tiên ngày 06-01-1946 đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong tiến trình phát triển lịch sử của dân tộc Việt Nam. Người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, mất nước đã trở thành “*chủ nhân*” một nước tự do, độc lập và đã khẳng định với thế giới rằng: nhân dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do, có quyền và đã thực sự có đủ khả năng để tự quyết định vận mệnh lịch sử của mình, tự lựa chọn và dựng xây chế độ mới, chế độ Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử cũng đã khẳng định niềm tin tuyệt đối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tinh thần yêu nước của nhân dân ta; đồng thời, đó cũng là sự biểu thị khát vọng dân chủ của nhân dân và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trong kỳ họp thứ nhất của Quốc hội đầu tiên, là “*kết quả*

Tin tức - Sự kiện

của sự hy sinh, tranh đấu của tổ tiên ta, nó là kết quả của sự đoàn kết anh dũng phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”⁽¹⁾.

Ý nghĩa lịch sử cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị, cần được chất lọc, vận dụng vào công tác bầu cử của Quốc hội để Quốc hội xứng đáng là cơ quan đại biểu dân cử cao nhất, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 là một sự kiện lịch sử trọng đại, mở đầu cho quá trình xây dựng chế độ dân chủ mới; là sự khởi đầu và phát triển của Quốc hội, một thiết chế dân chủ, trụ cột trong Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, bảo đảm việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, góp phần củng cố, xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

71 năm qua, với sự phát triển chung của đất nước, Quốc hội nước ta ngày càng

trưởng thành, hoàn thiện, đổi mới về tổ chức và hoạt động, thực hiện ngày càng có hiệu quả, chất lượng hơn chức năng, nhiệm vụ của mình. Có được kết quả đó, trước hết là do có sự lãnh đạo, có đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước; có sự nghiên cứu hoàn thiện không ngừng đối với hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật về bầu cử, tạo hành lang pháp lý quan trọng để bầu được những người đại biểu, người đại diện xứng đáng của nhân dân, thay mặt nhân dân trong cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện có hiệu quả các chức năng quan trọng là lập pháp, giám sát tối cao, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Trong điều kiện mới, với đòi hỏi cao hơn về tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu Quốc hội, các quy định của pháp luật về cơ chế bầu cử phải được tiếp tục nghiên cứu để có sửa đổi, bổ sung một cách hoàn thiện hơn, phù hợp hơn nhằm đáp ứng yêu cầu mới trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội hiện nay./

N.T.N

❖ Khoa Dân vận

^[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 103.

☞ *Tiếp theo trang 21*

HỌC TẬP PHONG CÁCH LÀM VIỆC...

công chức, viên chức nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tuy nhiên, việc quản lý lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế và yếu kém, dẫn đến lãng phí thời gian lao động, làm cho năng suất, chất lượng hiệu quả công tác chưa cao. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước chưa đề cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; ý thức kỷ luật lao động kém; vi phạm các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác và tác phong, uy tín của cán bộ, công chức,

viên chức. Vì vậy, học tập phong cách làm việc của Người có ý nghĩa rất quan trọng đối với cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác lãnh đạo, quản lý các cấp. Thiết nghĩ rằng, chúng ta cần đẩy mạnh hơn nữa việc học tập vận dụng phong cách làm việc của Bác một cách thiết thực và có hiệu quả hơn trong mỗi cán bộ công chức, viên chức để tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức cũng như trong thực hiện công việc hàng ngày./

H.T.N.Q

❖ Khoa Dân vận

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.263.

MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG NĂM 2016

❖ Nguyễn Anh Dũng, Cao Trọng Tuệ

Năm 2016 Trường Chính trị Lâm Đồng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các sở, ban, ngành cũng như của Học viện và các địa phương, các cơ sở liên kết đào tạo.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, tập thể cán bộ, viên chức, người lao động trong toàn trường luôn đoàn kết thống nhất, đề cao tinh thần trách nhiệm quyết tâm thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng và hoạt động khoa học trong năm học 2016, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Tổng số lớp đã thực hiện trong năm 2017 là 86 lớp, 6.044 học viên, trong đó:

+ Cao cấp LLCT-HC: 03 lớp, 269 học viên

+ Trung cấp LLCT-HC: 22 lớp, 1.784 học viên.

+ Bồi dưỡng chuyên viên chính: 03 lớp, 113 học viên; Bồi dưỡng chuyên viên: 10 lớp, 792 học viên; Bồi dưỡng ngạch cán sự: 01 lớp, 54 học viên.

+ Bồi dưỡng - tập huấn ngắn hạn: 20 lớp, 1.935 học viên

+ Đào tạo tiếng Dân tộc (Cơ Ho, Mạ): 12 lớp, 358 học viên (trong đó: 10 lớp mở tại các huyện)

+ Liên kết đào tạo chương trình sau Đại học (Cao học) và Đại học:

Cao học: 02 lớp, 65 học viên

Đại học: 12 lớp, 674 học viên

Thứ hai, về hoạt động nghiên cứu khoa học.

Đề tài nghiên cứu khoa học: có 03 đơn vị đăng ký và triển khai thực hiện 03 đề tài khoa học cấp cơ sở (Trường), gồm:

- Đề tài: “Giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện tốt một số chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên địa bàn huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng” đơn vị thực hiện: Khoa Lý luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Đề tài: “Một số giải pháp nhằm hoàn thiện phong cách lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp xã huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng”, đơn vị thực hiện: Khoa Dân vận;

- Đề tài: “Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới”, đơn vị thực hiện: Khoa Nhà nước - Pháp luật;

Đối với công tác biên soạn tài liệu:

Nhà trường tiến hành biên soạn 01 tài liệu tập huấn giảng viên Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện, thành phố năm 2016

Tổ chức Hội thảo, Tọa đàm khoa học:

Tổ chức 04 cuộc Hội thảo và Tọa đàm khoa học, gồm:

+ Tọa đàm khoa học “Kỷ niệm 130 năm Quốc tế lao động 01/5”

+ Tọa đàm khoa học kỷ niệm “105 ngày bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước”

+ Hội thảo khoa học “Hiến pháp Việt Nam - sự kết tinh ý chí, trí tuệ của toàn dân tộc”.

+ Hội thảo khoa học “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến - giá trị của niềm tin vào chân lý”.

Công tác biên tập và xuất bản: xuất bản 03 số Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”: 51, 52, 53 và 01 Kỷ yếu “Kỷ niệm 40 năm thành lập trường”.

Đối với công tác thao giảng, thăm

Tin tức - Sự kiện

định bài giảng: nhà trường tiến hành tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường lần thứ VI, có 06/06 giảng viên tham gia dự thi và đạt thành tích giảng viên dạy giỏi cấp trường. Trong năm, Hội đồng khoa học nhà trường tiến hành thẩm định bài giảng cho 08 giảng viên đang công tác tại các khoa chuyên môn

Ngoài những hoạt động trên, trong năm

2016, 100% các khoa chuyên môn tổ chức đi nghiên cứu thực tế tại các địa bàn trong tỉnh và 02 đoàn cán bộ, viên chức đi tham quan, nghiên cứu các trường chính trị khu vực miền Trung, miền Tây Nam bộ và duy trì đều đặn một số hoạt động khoa học thường xuyên khác của Nhà trường./.

N.A.D, C.T.T

❖ *Phòng Nghiên cứu KH-TT-TL, Phòng Đào tạo*

HỘI THI GIẢNG VIÊN DẠY GIỎI CẤP TRƯỜNG LẦN THỨ VI NĂM 2016

❖ *Lê Viết Lâm*

Thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2016 của nhà trường. Trong thời gian 02 ngày 29/12 đến 30/12/2016, trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường lần thứ VI năm 2016. Tham gia hội thi có 06 giảng viên được tuyển chọn từ hội thi cấp khoa. Hội thi giảng viên giỏi cấp trường thực hiện theo quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh với ba nội dung bắt buộc là: chấm giáo án, thực hành giảng trên lớp trong thời gian 45 phút, thi tự luận 120 phút. Hội thi là nơi

thể hiện và khẳng định năng lực chuyên môn, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, đồng thời cũng là dịp để đánh giá, ghi nhận kết quả phong trào giảng dạy và học tập trong nhà trường cũng như của từng giảng viên, đồng thời góp phần thúc đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” và đáp ứng yêu cầu đổi mới về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Trường. Kết quả có 06/06 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp trường./.

L.V.L

❖ *Phòng Nghiên cứu KH-TT-TL*



Hội thi giảng viên giỏi cấp Trường lần thứ VI-2016

HỘP THƯ

**Nội san: “Thông tin lý luận và thực tiễn”
đã được sự cộng tác nhiệt tình của các đồng chí và các bạn:**

CÁC CỘNG TÁC VIÊN

Ngô Xuân Cát, Nguyễn Quang Chung, Thanh Dương Hồng, Bùi Thanh Long, Hồ Minh, Tống Giang Nam, Cao Đình Nhân, Nguyễn Đình Phương, Nguyễn Khắc Quyển, Nguyễn Công Sơn, Nguyễn Văn Thùy, Ngô Xuân Trường...

NỘI BỘ TRƯỞNG CHÍNH TRỊ

Đỗ Quốc Anh, Nguyễn Thị Bảy, Tô Văn Bẩy, Phạm Văn Biển, Lương Ngọc Chính, Hoàng Hữu Du, Nguyễn Anh Dũng, Phạm Hữu Hải, Phạm Hồng Hải, Ngô Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Chí Hòa, Lê Viết Lâm, Phan Cảnh Lộc, Nguyễn Thị Liễu, Ngô Thị Hồng Loan, Trương Công Liêm, Nguyễn Thị Nhã, Ngô Đình Như, Nguyễn Thế Nguyên, Lê Thị Thanh Phụng, Nguyễn Văn Phước, Phạm Kim Quang, Hoàng Thị Như Quỳnh, Kiều Hoài Sơn, Lê Quang Sơn, Lê Thị Thắm, Bùi Thắng, Võ Thị Bích Thuý, Phạm Thị Thơm, Đoàn Quang Duy Tuấn, Cao Trọng Tuệ, Đinh Công Tuyển, Chu Thị Thu Trang, Phạm Công Xuân, Lưu Thị Xuân, Nguyễn Thị Khánh Vân.

Ban Biên tập mong được sự cộng tác tích cực và thường xuyên của các đồng chí và các bạn!

Chân thành cảm ơn!

BAN BIÊN TẬP

Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Bùi Thắng, TUV, Hiệu trưởng & Đ/c Trần Công Chánh, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Lạc Dương tặng Giấy khen cho học viên lớp Bồi dưỡng Ngạch Chuyên viên K62



Đ/c Phạm Kim Quang, Phó Hiệu trưởng & Đ/c Nguyễn Thị Liễu, Phó Hiệu trưởng tặng Giấy khen cho học viên lớp Trung cấp LLCT-HC K17 - Hệ chính quy



Đ/c Nguyễn Thị Liễu, Phó Hiệu trưởng & Đ/c Nguyễn Khắc Bình, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Cát Tiên tặng Giấy khen cho học viên lớp Chuyên viên chính K21 (huyện Cát Tiên)



Đ/c Trần Thị Chúc Quỳnh, TUV, Bí thư Tỉnh Đoàn và Đ/c Phạm Kim Quang, Phó Hiệu trưởng tặng Giấy khen cho học viên lớp Trung cấp LLCT-HC K18 - Hệ Chính quy



Toàn cảnh lễ Khai giảng lớp Bồi dưỡng Ngạch Chuyên viên K63



Toàn cảnh lễ Khai giảng lớp Trung cấp LLCT-HC Khóa 37 - Hệ không tập trung (huyện Bảo Lâm)

Chúc
mừng
Năm Mới

Happy New Year



AN KHANG
THỊNH VƯỢNG
HẠNH PHÚC
BÌNH AN